

**TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

**VIETNAM ELECTRICITY**



**EVNPECC4**



**GIẢI PHÁP TIN CẬY  
NÂNG TẦM ĐỐI TÁC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

**POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 4**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**



**EVNPECC4**

TRỤ SỞ: 11 HOÀNG HOA THÁM – NHA TRANG – KHÁNH HÒA

TEL: 058.3563999 – FAX: 058.3563888

EMAIL: [tv4@pecc4.vn](mailto:tv4@pecc4.vn) – WEBSITE: [www.pecc4.vn](http://www.pecc4.vn)

# Tầm nhìn



PECC4 phấn đấu trở thành nhà cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng điện hàng đầu tại Việt Nam và khu vực.

# Sứ mệnh



PECC4 phấn đấu phát triển trở thành nhà cung cấp các dịch vụ tư vấn về lĩnh vực hoạt động điện lực, với công nghệ và kỹ thuật tiên tiến và hiệu quả về tài chính. Với triết lý kinh doanh "PECC4 tồn tại để tạo sự thành công cho công việc kinh doanh của khách hàng - khi khách hàng của PECC4 thành công thì PECC4 thành công".



PECC4 tập trung vào lợi ích khách hàng, bằng cách cộng tác chặt chẽ với khách hàng trong suốt quá trình cung cấp dịch vụ và hết lòng thực hiện các cam kết của mình, PECC4 đảm bảo đáp ứng hoặc vượt quá yêu cầu của khách hàng, để tạo ra giá trị cho khách hàng, từng cổ đông của công ty, các đối tác kinh doanh, cũng chính là tạo ra sự phồn thịnh của chính PECC4.



Trách nhiệm

Tôn trọng lẫn nhau, phát huy sáng tạo

Hướng tới mục đích chung

Giá trị cốt lõi

Tính trung thực

Chia sẻ lợi ích



# THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý Cổ đông

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4

Năm 2016, Công ty thực hiện nhiệm vụ kế hoạch với khí thế thi đua Lao động sản xuất, hướng tới kỷ niệm 40 năm Xây dựng và Phát triển Công ty; Tập trung theo chủ đề năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là “Nâng cao năng lực quản trị Doanh nghiệp”. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục phát triển ổn định.

Năm 2016, Công ty đã tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả làm gia tăng doanh thu và lợi nhuận. Tính đến ngày 31/12/2016, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua.

Công ty đã thực hiện một khối lượng lớn các dự án Nguồn điện, Lưới điện ở nhiều giai đoạn, trong đó các công trình trọng điểm, cấp bách, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng các dự án của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Công ty đã triển khai mạnh và hoàn thành nhiều hạng mục công tác bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp các nhà máy điện tại Việt Nam. Đồng thời, Công ty là một trong những Đơn vị tiên phong tích cực nghiên cứu, triển khai thực hiện và hoàn thành nhiều đề án trong lĩnh vực Năng lượng mặt trời, trong đó có các Nhà máy điện mặt trời nổi tại các hồ thủy điện tại miền Trung và Tây Nguyên; Tiếp cận được nhiều nhà đầu tư trong và ngoài Ngành, mở ra cơ hội việc làm cho năm 2017 và các năm tiếp theo.

Thực hiện Chương trình Nâng cao năng lực và phát triển bền vững giai đoạn 2015 – 2020, Công ty đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học Công nghệ trong các lĩnh vực hoạt động.

Công ty đang triển khai mạnh mẽ việc xây dựng các giải pháp nâng cao năng lực Quản trị, trong đó, tập trung xây dựng Hệ thống chỉ số đo lường hiệu quả công việc (KPIs) - một công cụ quản trị hiện đại.

Năm 2017, tình hình tài chính của Công ty đã có những yếu tố thuận lợi. Việc đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch vẫn luôn là thách thức lớn, đòi hỏi sự quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Công ty và sự nỗ lực lao động sáng tạo của Tập thể CBCNV Công ty.

Trên cơ sở nhận định tình hình thực tế, Công ty đề ra các Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2017 là:

(1) Gia tăng doanh thu, lợi nhuận, hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017; Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động.

(2) Nâng cao năng lực Tư vấn: Mở rộng thị trường và các lĩnh vực Tư vấn; Đẩy mạnh phát triển Khoa học Công nghệ; Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ Tư vấn, đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng.

(3) Nâng cao năng lực và hiệu quả Quản trị doanh nghiệp.

Phát huy truyền thống tốt đẹp hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty CP TVXD Điện 4 quyết tâm đồng lòng, chung sức nỗ lực vượt khó khăn, hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu và nhiệm vụ kế hoạch năm 2017, giữ vững sự ổn định và phát triển Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông đã luôn đồng hành cùng Công ty!

# QUÁ TRÌNH 40 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN



14/7/1976

- Thành lập Phân viện quy hoạch thiết kế điện miền Nam, trực thuộc Viện Quy hoạch thiết kế điện (Bộ Điện than). Đơn vị khảo sát, thiết kế điện đầu tiên của miền Nam sau ngày giải phóng

03/6/1999

- Chuyển thành Công ty Tư vấn xây dựng Điện 4, đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam

17/1/2007

- Chuyển thành Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4, Tập đoàn Điện lực Việt Nam giữ cổ phần chi phối

01/8/2007

- Được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần

22/7/2008

- Cổ phiếu Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội



Lễ đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhì



GD 2013 – 2016, TV4 là một trong 30 doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất HNX

## KỶ NIỆM 40 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN 14/07/1976 – 14/07/2016



Với những nỗ lực phấn đấu không ngừng và những thành quả lao động xuất sắc của nhiều thế hệ CBCNV, với những đóng góp to lớn đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành điện Việt Nam trong suốt 40 năm qua, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì. Trong dịp kỷ niệm trong thể 40 năm ngày thành lập Công ty, nhiều tập thể và cá nhân Công ty vinh dự được đón nhận các danh hiệu cao quý của Nhà nước khen tặng.



Trong suốt chặng đường 40 năm xây dựng và phát triển Công ty, với nhiệm vụ chủ yếu là tư vấn xây dựng các công trình điện. Bằng quá trình lao động sáng tạo, với nỗ lực vượt lên mọi khó khăn, thách thức, các thế hệ cán bộ, kỹ sư thuộc Phân viện Thiết kế Điện Nha Trang (giai đoạn 1982-1999) và cán bộ, kỹ sư Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 (giai đoạn 2000-nay) đã có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển của hệ thống Điện Việt Nam.



Với khối lượng khảo sát, thiết kế hơn 2.000km đường dây 500kV, 10.000 MVA Trạm biến áp 500kV, 3.500 km đường dây 220kV, 9.000 MVA trạm cấp điện áp 220 – 100kV; hơn 30 nhà máy Thủy điện với tổng công suất 3.920MW; gần 10 dự án Nhiệt điện với tổng công suất hơn 5.900 MW.

Trong đó, hàng trăm công trình đã và đang đi vào vận hành, đóng góp một phần không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của đất nước nói chung và khu vực miền Trung nói riêng.

# NỘI DUNG

<b>TÂM NHÌN – SỨ MỆNH</b>	2
<b>GIÁ TRỊ CỐT LÕI</b>	3
<b>THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	4

---

## **I. Thông tin chung:**

1. Thông tin khái quát	9
2. Lĩnh vực hoạt động	10
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	12
4. Rủi ro	20

---

## **II. Tình hình hoạt động trong năm:**

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	22
2. Tổ chức và nhân sự	24
3. Tình hình đầu tư	25
4. Tình hình tài chính	27
5- Cơ cấu cổ đông	29

---

## **III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc:**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	31
2. Tình hình tài chính	40
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	42
4. Kế hoạch phát triển năm 2017	46
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội	47

---

## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty	54
2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc	55
3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	56

---

## **V. Quản trị công ty:**

1. Hội đồng quản trị	58
2. Ban Kiểm soát	61
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	65

---

<b>VI. Báo cáo tài chính</b>	66
------------------------------	----

---

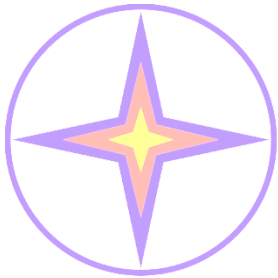
## I. THÔNG TIN CHUNG

1- Thông tin khái quát

2- Lĩnh vực hoạt động

3- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4- Rủi ro



**EVN PECC4**





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên giao dịch</b>	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4
<b>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và mã số thuế</b>	4200385474
<b>Vốn điều lệ</b>	145.996.140.000 đồng
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	145.996.140.000 đồng
<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	11 Hoàng Hoa Thám, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
<b>Số điện thoại</b>	058. 3563999
<b>Số fax</b>	058. 3563888
<b>Website</b>	<a href="http://www.pecc4.vn">www.pecc4.vn</a>
<b>Mã cổ phiếu</b>	TV4

### Chi nhánh

- Chi nhánh phía Bắc: Lô số 3, TT4,  
Ngõ 183 Hoàng Văn Thái,  
P. Khương Trung, Quận Thanh Xuân,  
TP. Hà Nội
- Chi nhánh phía Nam: Số 28B  
đường Đặng Tất, P. Tân Định, Quận 1,  
TP. Hồ Chí Minh



## LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

+ Tư vấn xây dựng các công trình: nguồn điện, lưới điện, các dạng năng lượng mới và tái tạo, viễn thông điện lực, các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và các công trình dân dụng, công nghiệp



## LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- + Tư vấn quản lý đầu tư xây dựng;
- + Kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng. Thí nghiệm phân tích nước, thí nghiệm cơ lý đất đá, nền móng công trình và vật liệu xây dựng. Thí nghiệm kiểm định chất lượng công trình;
- + Sản xuất kinh doanh điện năng;
- + Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật;



Khảo sát điện mặt trời trên hồ thủy điện Đa mi

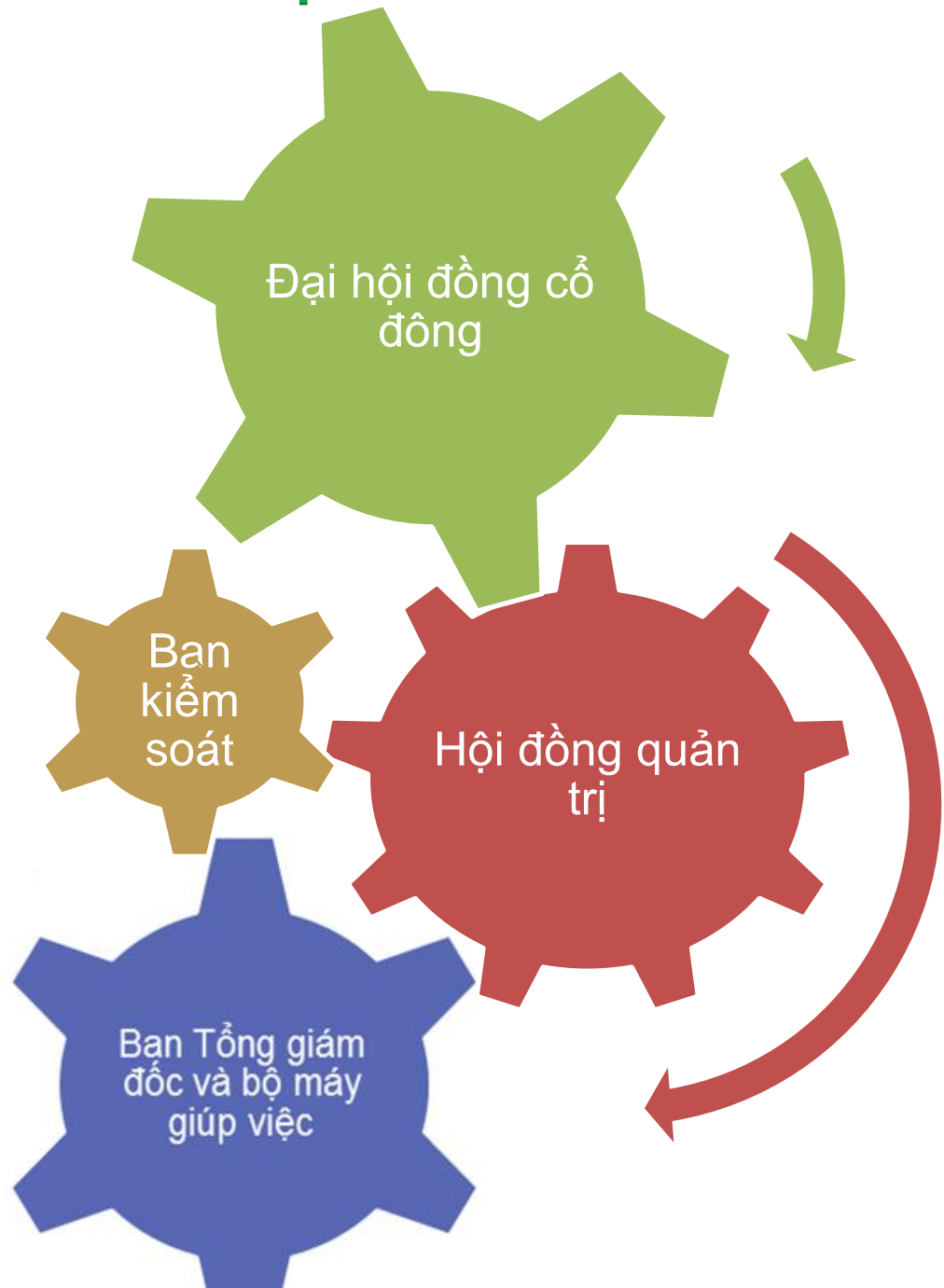


Khoan khảo sát địa chất công trình thủy điện tích năng Bác Ái

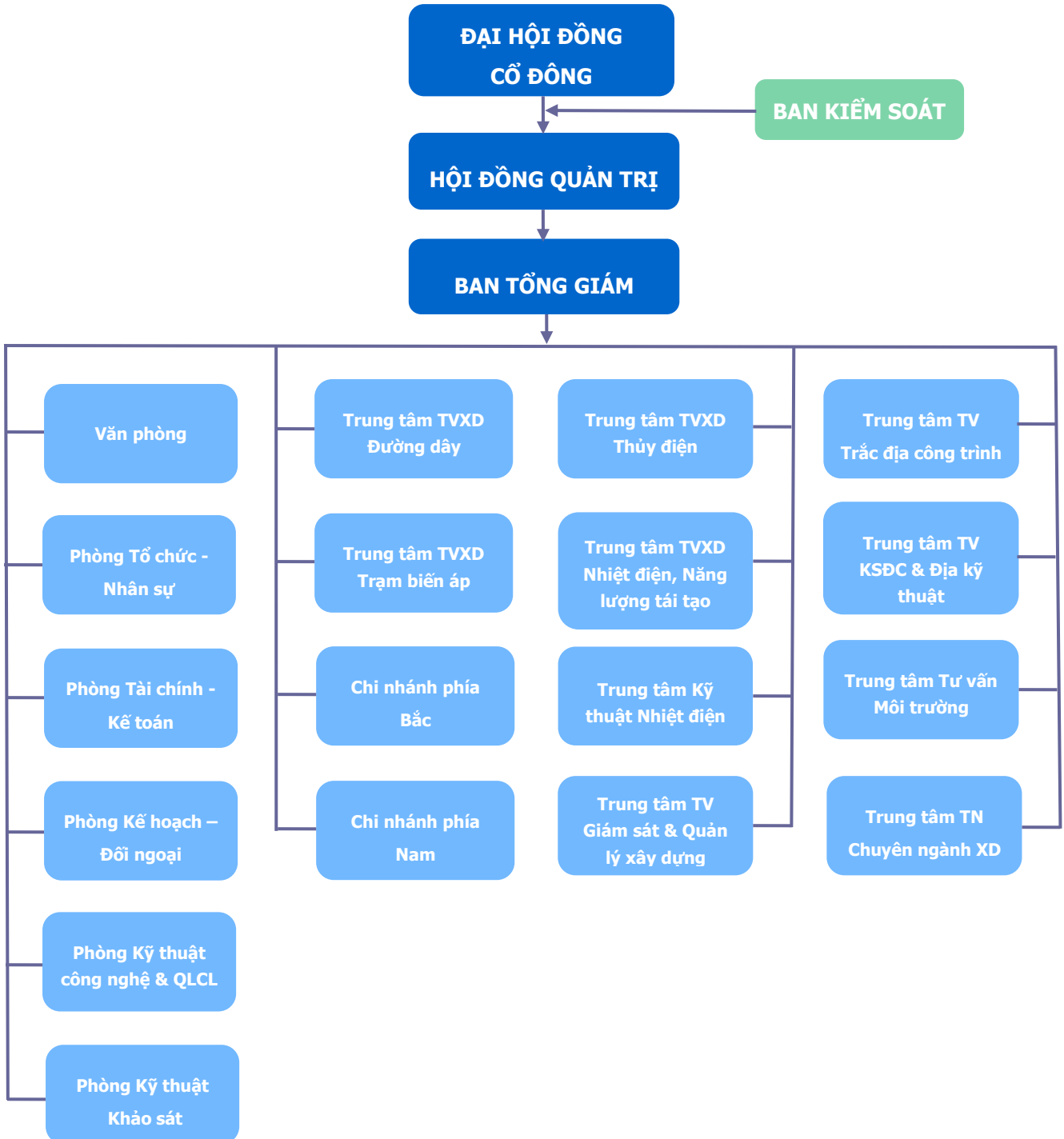
### ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 thực hiện tư vấn xây dựng các công trình điện cho các khách hàng tại Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Lào, Campuchia.

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông PHẠM MINH SƠN**

Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty

**Ngày sinh** : 14/10/1959

**Quốc tịch** : Việt Nam

**Địa chỉ thường trú** : 17 Lê Lai – Nha Trang -  
Khánh Hòa

**Trình độ chuyên môn:** *Thạc sỹ quản trị kinh doanh (MBA), Kiến trúc sư, Kỹ sư Điện kỹ thuật*

**Thành tích khen thưởng:**

*-Huân chương Lao động hạng Nhất*

*-Chiến sĩ thi đua toàn quốc*

**Kinh nghiệm:**

*-Làm việc tại TV4 từ năm 1984.*

*-Từ năm 2001: Giữ chức vụ Giám đốc Công ty CP TVXD Điện 4*

*-Từ tháng 8/2007 đến nay: Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty.*



**Ông TRẦN HOÀI NAM**

Ủy viên HĐQT – Phó tổng giám đốc Công ty

**Ngày sinh** : 04/03/1960

**Quốc tịch** : Việt Nam

**Địa chỉ thường trú** : 12A Bửu Đóa - T.Phố Nha  
Trang - Tỉnh Khánh Hòa

**Trình độ chuyên môn:** *Kỹ sư Điện kỹ thuật*

**Thành tích khen thưởng** : *Huân chương Lao động hạng Nhì*

**Kinh nghiệm:**

*- Làm việc tại TV4 từ năm 1983.*

*- Từ năm 2006: Giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty CP TVXD Điện 4*

*- Từ tháng 4/2012 đến nay: Giữ chức vụ Ủy viên HĐQT – Phó TGD Công ty.*

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông NGUYỄN DUY BÌNH**  
Ủy viên HĐQT

**Ngày sinh** : 22/01/1967  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú** : 74/17 Trương Quốc Dung,  
Phường 10, Quận Phú  
Nhuận, Thành phố Hồ Chí  
Minh

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Điện

**Kinh nghiệm:**

- Giai đoạn 1996 – 2013, Công tác tại Công ty Alstom (Thụy Sĩ)
- Từ năm 2014, Công tác tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Hiện nay là Phó Trưởng ban Kỹ thuật sản xuất – EVN
- Tham gia vào HĐQT Công ty từ tháng 4/2015.



**Ông TRẦN VĂN THỌ**  
Ủy viên HĐQT độc lập Công ty

**Ngày sinh** : 12/05/1952  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú** : Tổ 62 phường Trung Tự,  
quận Đống Đa, Hà Nội  
**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Thủy công – Thủy  
điện  
**Thành tích khen thưởng** : Huân chương Lao  
động hạng Nhì

**Kinh nghiệm:**

- Từ năm 1975: công tác tại ngành điện Việt Nam
- Từ năm 2003: Giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty CP TVXD Điện 4
- Từ tháng 08/2007: Tham gia vào HĐQT Công ty từ tháng.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông VŨ THÀNH DANH**

Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng Công ty

**Ngày sinh** : 18/08/1964

**Quốc tịch** : Việt Nam

**Địa chỉ thường trú** : 78/37 Tuệ Tĩnh – TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

**Trình độ chuyên môn**: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA), Cử nhân Tài chính – Tín dụng.

**Thành tích khen thưởng**: Huân chương Lao động hạng Nhì

**Kinh nghiệm:**

- Làm việc tại TV4 từ năm 1988.

- Từ năm 1997: Giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính, Kế toán Trưởng Công ty CP TVXD Điện 4.

- Từ tháng 4/2012 đến nay: Giữ chức vụ Ủy viên HĐQT – Kế toán Trưởng Công ty.

## BAN KIỂM SOÁT



**Ông HÒ NAM KHÁNH**

Trưởng Ban kiểm soát

**Ngày sinh** : 14/05/1980

**Quốc tịch** : Việt Nam

**Địa chỉ thường trú** : 6/26 Nguyễn Thiện Thuật, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Trình độ chuyên môn**: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán doanh nghiệp

**Kinh nghiệm:**

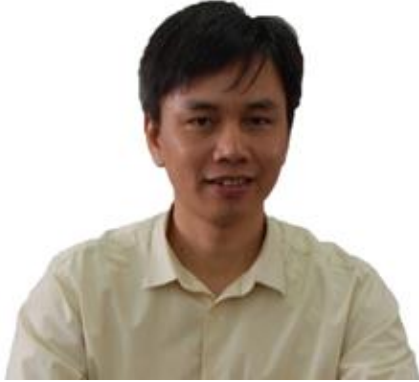
- Làm việc tại TV4 từ năm 2003.

- Từ năm 2014: Giữ chức vụ Phó Chánh văn phòng Công ty CP TVXD Điện 4.

- Từ tháng 5/2016 đến nay, giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát Công ty



## BAN KIỂM SOÁT



**Ông TRẦN VĨNH THÁI**

Thành viên Ban kiểm soát

**Ngày sinh** : 18/01/1972

**Quốc tịch** : Việt Nam

**Địa chỉ thường trú** : Số 18 Lý Văn Phúc,  
phường Cát Linh, quận  
Đống Đa, TP. Hà Nội

**Trình độ chuyên môn**: Kỹ sư điện

**Kinh nghiệm:**

-Giai đoạn 1996 – 2009: Giảng viên Khoa Điện, Đại học Bách khoa Hà Nội

-Từ năm 2010, Công tác tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

-Từ tháng 5/2013, là thành viên Ban kiểm soát Công ty CP TVXD Điện 4



**Bà VƯƠNG XUÂN THỊ LIÊN**

Thành viên Ban kiểm soát

**Ngày sinh** : 16/06/1975

**Quốc tịch** : Việt Nam

**Địa chỉ thường trú** : 135 Chu Văn An, phường  
26, Quận Bình Thạnh,  
TP HCM

**Trình độ chuyên môn**: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán Kiểm toán

**Kinh nghiệm:**

-Từ năm 1999 đến nay, công tác tại Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh. Hiện là Phó trưởng ban Tài chính Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh.

-Từ tháng 5/2012, là thành viên Ban kiểm soát Công ty CP TVXD Điện 4

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**Ông PHẠM NGỌC SƠN A**  
Phó Tổng Giám đốc Công ty

**Ngày sinh** : 10/10/1959  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú** : 06 Trần Quốc Toản – TP.  
Nha Trang - Tỉnh  
Khánh Hòa  
**Trình độ chuyên môn**: Kỹ sư Điện kỹ thuật  
**Thành tích khen thưởng** : Huân chương Lao  
động hạng Ba

**Kinh nghiệm:**

- Làm việc tại TV4 từ năm 1987.
- Từ tháng 6/2013, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP TVXD Điện 4



**Ông NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG**  
Phó Tổng Giám đốc Công ty

**Ngày sinh** : 24/09/1964  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú** : D2.3 Chung cư 02 Lê Hồng  
Phong, thành phố Nha  
Trang, tỉnh Khánh Hòa  
**Trình độ chuyên môn**: Kỹ sư Thủy lợi - Thủy  
điện

**Kinh nghiệm:**

- Làm việc tại TV4 từ năm 1987.
- Giai đoạn 2009 – 2014, công tác tại Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn, chức vụ Tổng Giám đốc.
- Từ tháng 3/2015, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP TVXD Điện 4

## **CÔNG TY LIÊN KẾT**

### **Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn**



- Địa chỉ: Tầng 7 – Khách sạn Biệt Điện, Số 01 Ngô Quyền, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Vốn điều lệ: 335.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 là 31% tương đương 103.850.000.000 đồng

### **Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang**

- Địa chỉ: 14/34 đường Phan Đăng Lưu, phường 9, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 là 30% tương đương 15.000.000.000 đồng

## RỦI RO



Sự cạnh tranh trong lĩnh vực tư vấn đang ngày càng gay gắt. Hiện tượng chảy máu chất xám, dịch chuyển nguồn nhân sự có kinh nghiệm là một thách thức đối với Công ty

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016**

**1- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

**2- Tổ chức và nhân sự**

**3- Tình hình đầu tư**

**4- Tình hình tài chính**

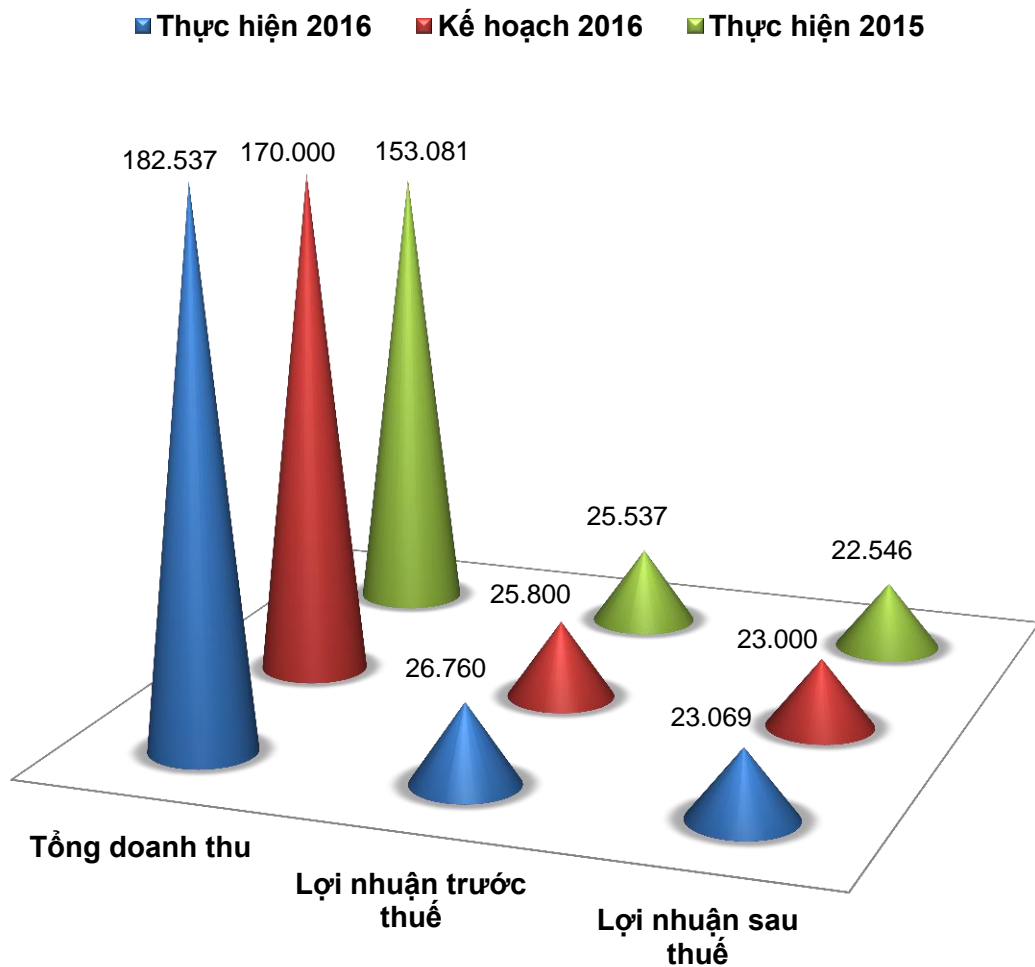
**5- Cơ cấu cổ đông**

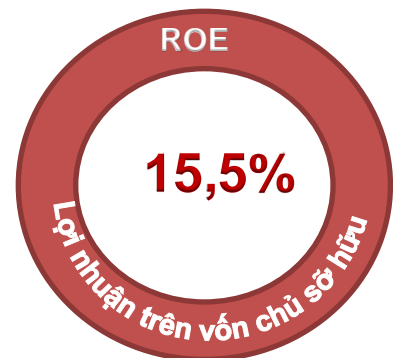
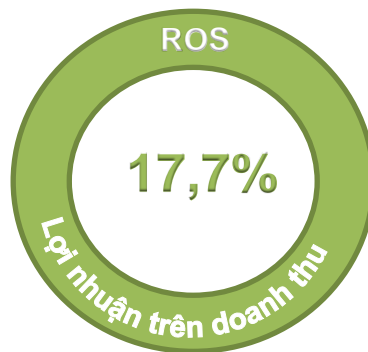
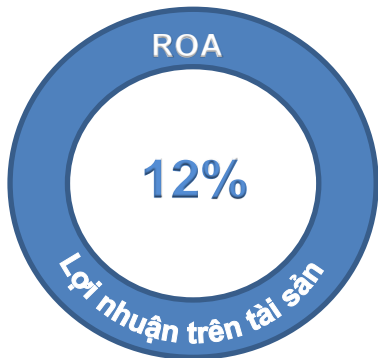
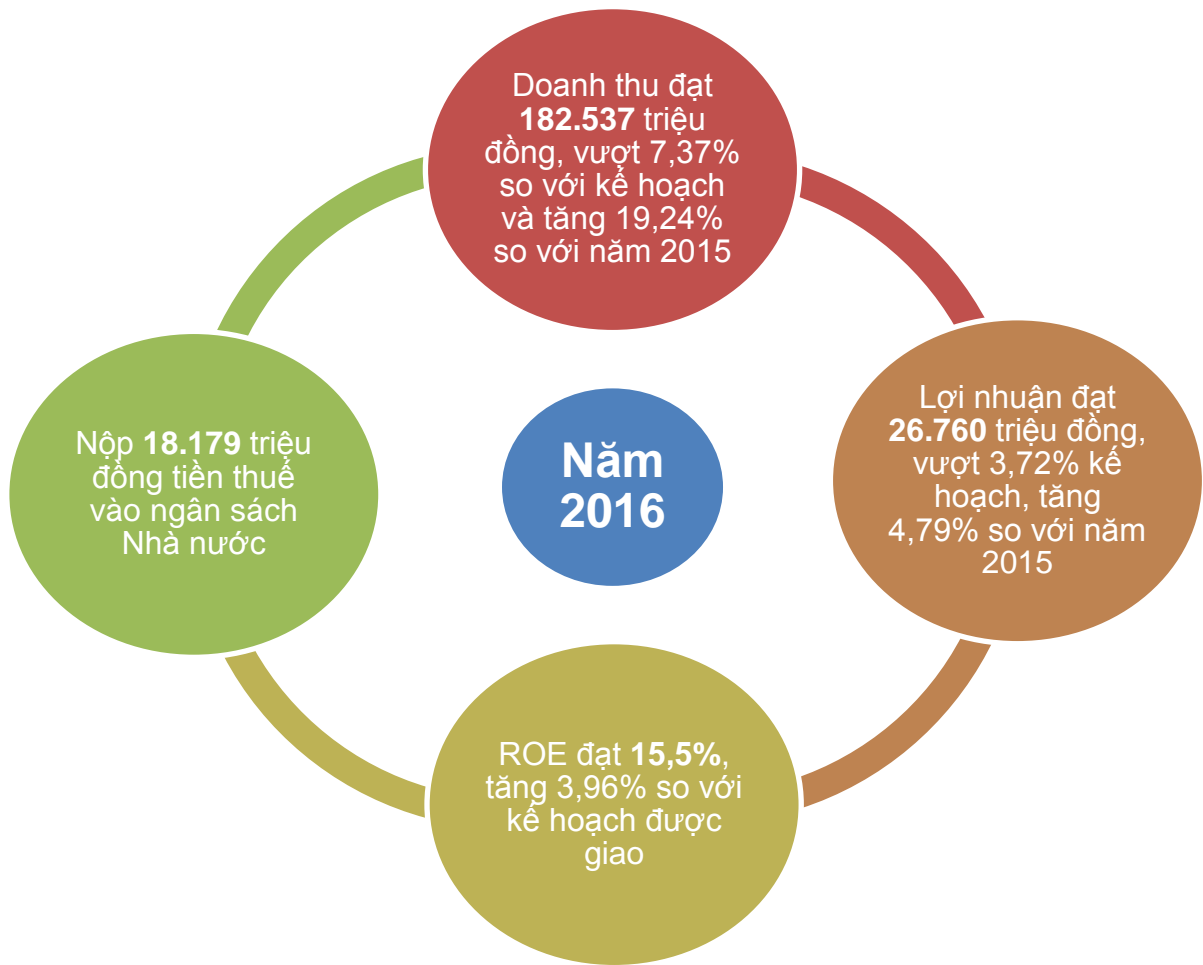


# 1- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2016, Công ty thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế trong nước tiếp tục ổn định. Tuy nhiên, tình hình tài chính và thu xếp vốn cho đầu tư xây dựng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam gặp nhiều khó khăn do Chính phủ hạn chế việc bảo lãnh vay vốn. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục phát triển ổn định.

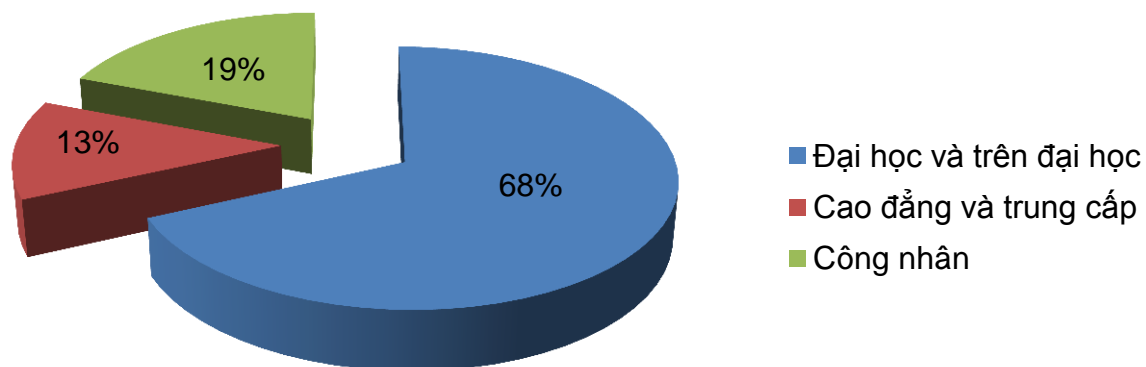
Năm 2016, Công ty đã tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả làm gia tăng doanh thu và lợi nhuận. Tính đến ngày 31/12/2016, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua





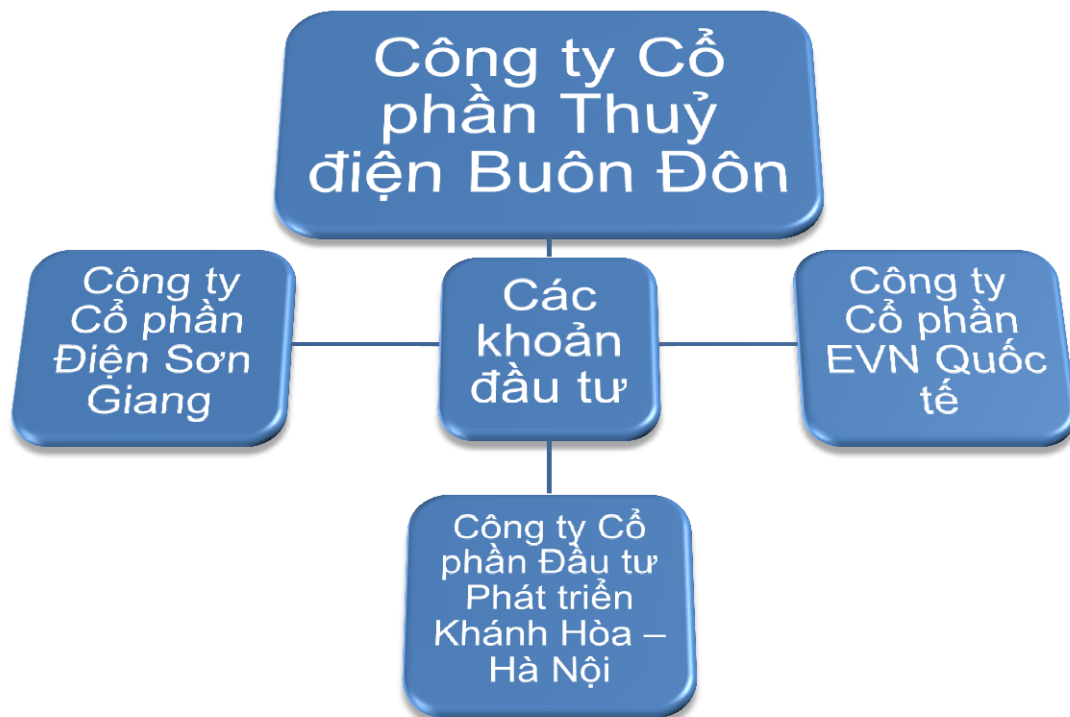
## 2- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Tổng lao động tính đến 31/12/2016 là 495 người, trong đó:





### 3- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ



- Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn: Hiện tại Công ty đã tham gia góp vốn vào Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (BDHC) để đầu tư vào dự án thủy điện Srépok 4A với tổng số vốn góp là 103.850 triệu đồng, đạt 100% số vốn phải góp .

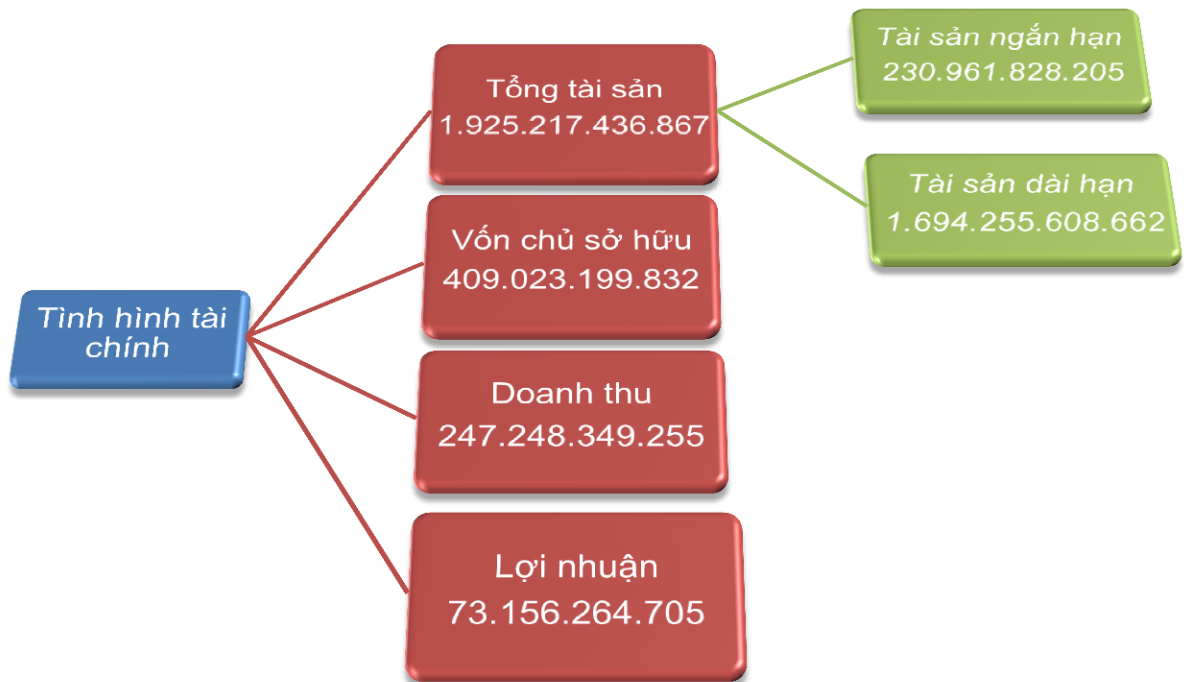
Năm 2016, Công ty đã nhận được 8% cổ tức bằng tiền mặt từ việc đầu tư góp vốn vào BDHC.

- Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI): năm 2012 Công ty đã ngừng tham gia góp vốn vào EVNI do các dự án lớn của EVNI tại Campuchia đều bị dừng lại. Số tiền Công ty đã góp đến hiện tại là 1.050 triệu đồng.

- Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Khánh Hòa – Hà Nội (K&H): K&H được tách từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nha Trang – Hà Nội. Số tiền Công ty đã góp vào Công ty này là 1.042 triệu đồng.

- Công ty cổ phần Điện Sơn Giang: Thực hiện Nghị quyết số 535/NQ-HĐQT ngày 16/11/2016 của Hội đồng quản trị Công ty, tháng 12/2016 Công ty thực hiện đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang với số tiền 600 triệu đồng.

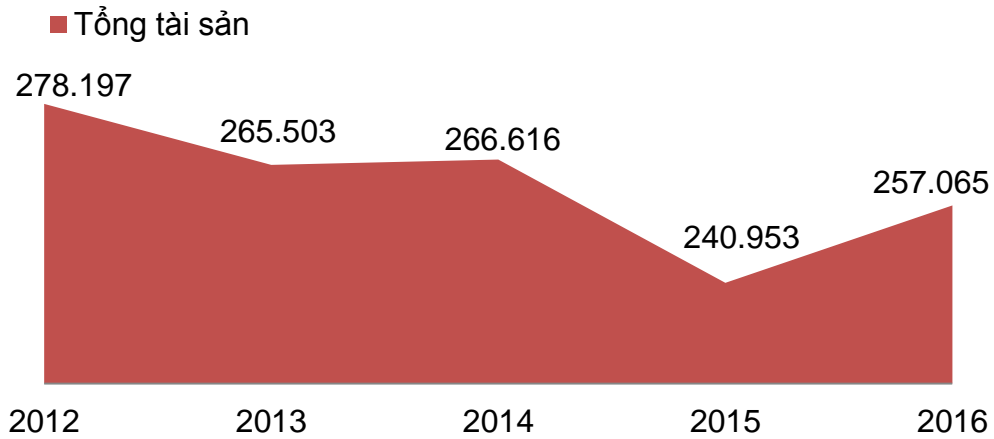
## Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn



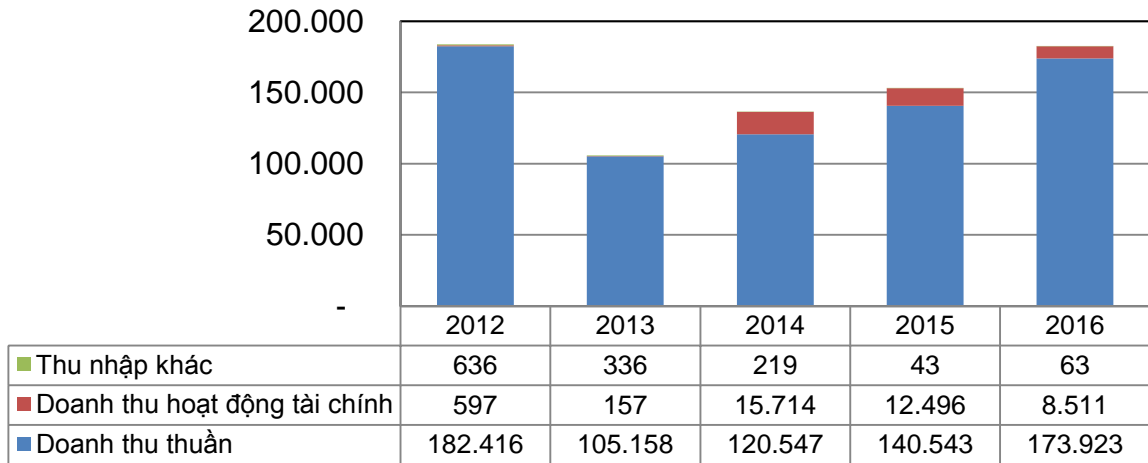
## Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Giang

Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang mới thành lập ngày 22/11/2016 và đang trong quá trình xây dựng chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh

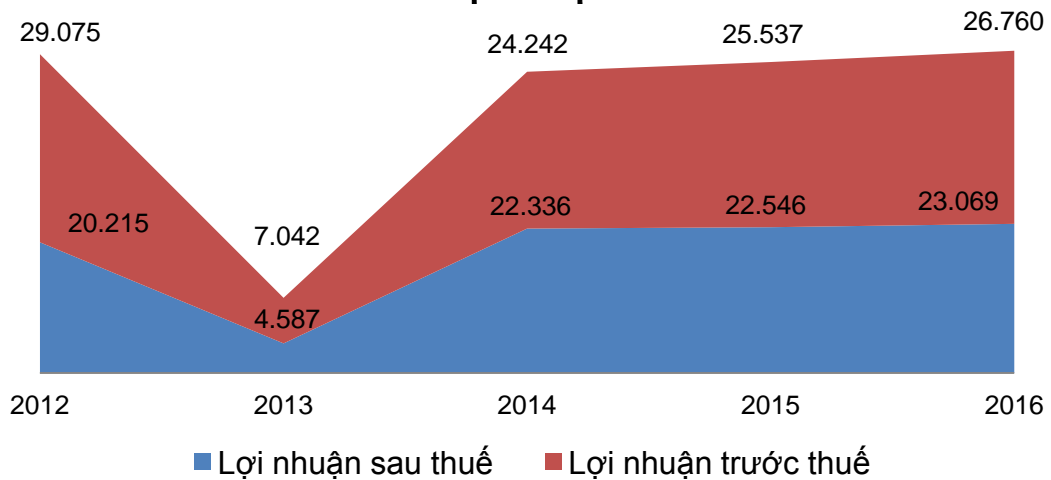
## 4- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



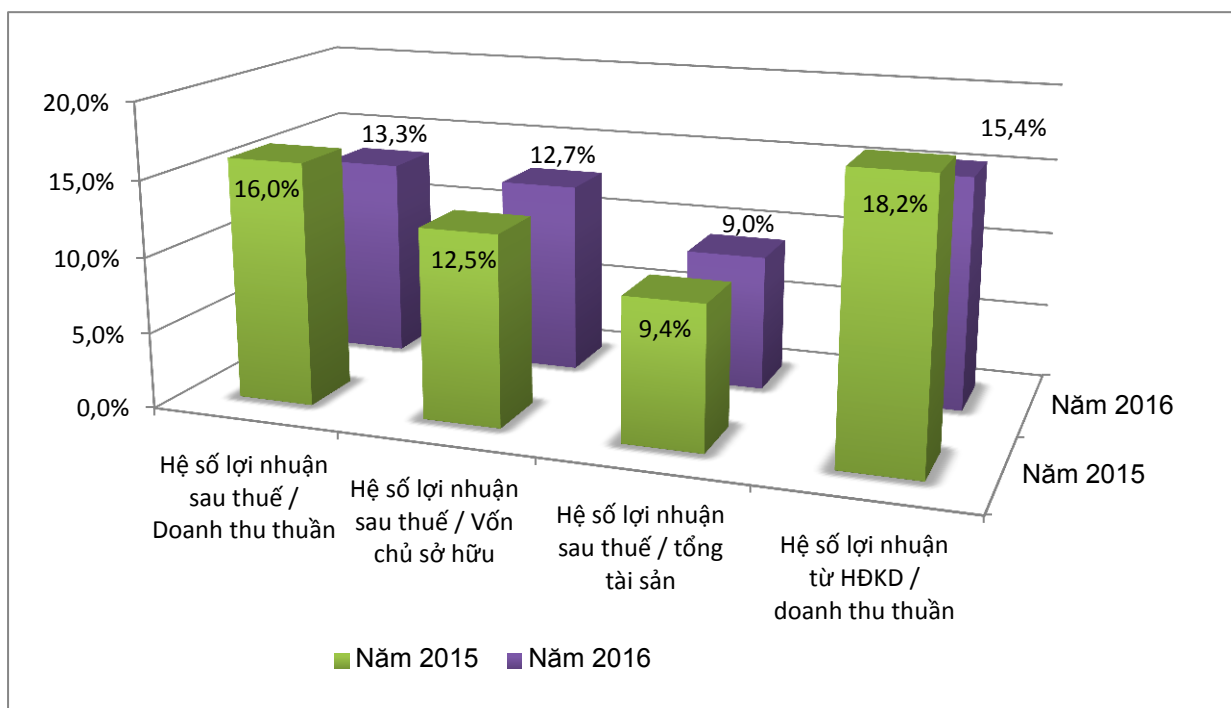
### Tổng doanh thu



### Lợi nhuận



Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,86	1,62
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,62	1,40
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>		
+ Hệ số nợ / tổng tài sản	0,25	0,30
+ Hệ số nợ / vốn chủ sở hữu	0,34	0,42
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho	10,51	8,06
+ Doanh thu thuần / tổng tài sản	0,58	0,68
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:</b>		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	16,0%	13,30%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	12,5%	12,74%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản	9,4%	9,00%
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD / doanh thu thuần	18,2%	15,35%



## 5- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

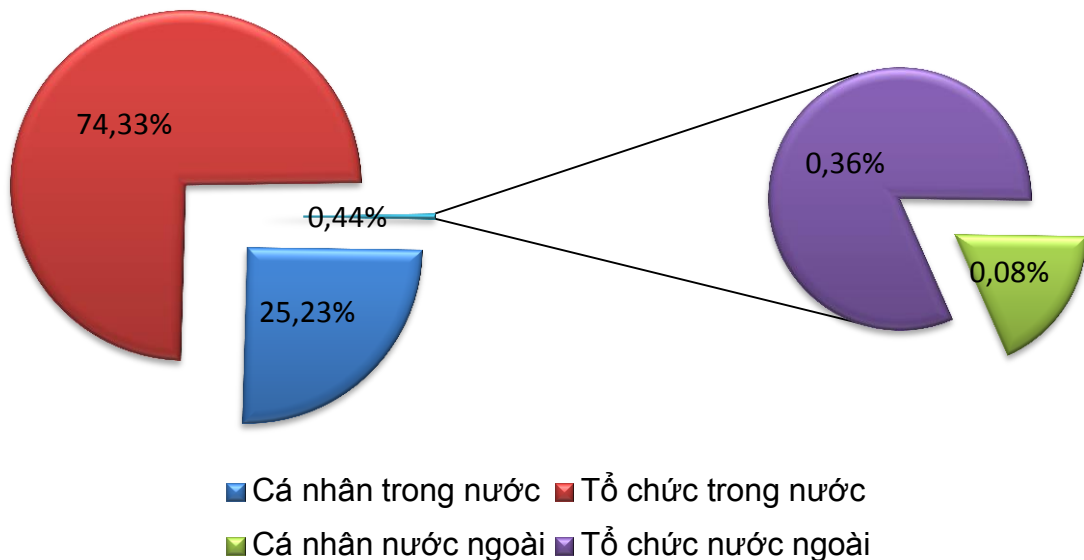
Cổ phần:

- Tổng số cổ phần của Công ty : 14.599.614 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 64.523 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty : 14.535.091 cổ phần

Cơ cấu cổ đông:

Năm 2016, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

STT	Đối tượng	Cổ phiếu	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>14.535.129</b>	<b>99,56%</b>
-	Cá nhân	3.683.706	25,23%
-	Tổ chức	10.851.423	74,33%
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>64.485</b>	<b>0,44%</b>
-	Cá nhân	12.244	0,08%
-	Tổ chức	52.241	0,36%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>14.599.614</b>	<b>100,00%</b>



Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2016 Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ. Tính đến 31/12/2016 số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 là 64.523 cổ phiếu.

### III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

- 1- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2- Tình hình tài chính
- 3- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 4- Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2017
- 5- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội



## 1- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2016, Công ty đã tổ chức thực hiện một khối lượng lớn các dự án Nguồn điện, Lưới điện ở nhiều giai đoạn, trong đó có một số công trình trọng điểm, cấp bách, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng các dự án của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Thực hiện Chương trình Nâng cao năng lực và phát triển bền vững Công ty giai đoạn 2015 – 2020, năm 2016 Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD và năng suất lao động, hạn chế các rủi ro ảnh hưởng đến các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.

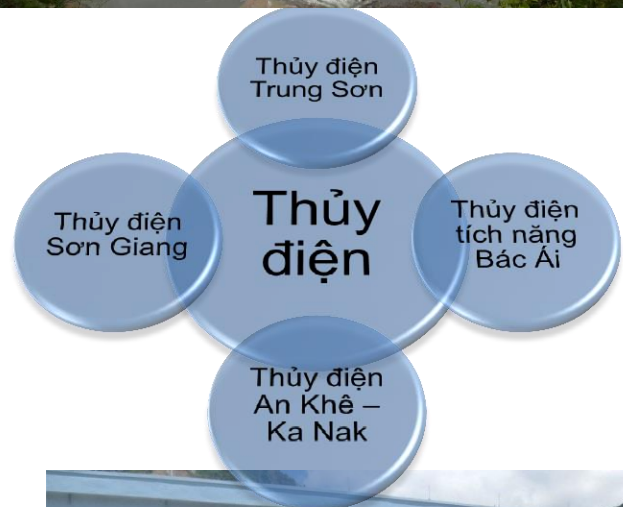
### 1.1- Các dự án Thủy điện:

- Thủy điện Trung Sơn: Công ty đã tập trung nguồn lực, khẩn trương phối hợp với Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình. Hiện nay, công trình đã phát điện thương mại tổ máy số 1.

- Thủy điện tích năng Bác Ái: Công ty tập trung triển khai và đã hoàn thành hồ sơ TKKT giai đoạn 1 - Cụm công trình cửa xả. Đối với công tác khảo sát phục vụ lập TKKT, dự kiến hoàn thành báo cáo kết quả khảo sát trong tháng 5/2017, đáp ứng yêu cầu về tiến độ.

- Thủy điện Sơn Giang, tỉnh Phú Yên: Công ty đã hoàn thành công tác khảo sát, lập BCNCKT, lập TKKT-TDT công trình và triển khai các công tác thiết kế BVTC đáp ứng tiến độ khởi công công trình trong tháng 12/2016.

- Ngoài ra, trong năm 2016 Công ty thực hiện và hoàn thành được 02 hợp đồng quan trắc biến dạng công trình cho dự án Thủy điện trung Sơn (chu kỳ 0) và Thủy điện An Khê – Ka Nak (chu kỳ 2)



Thủy điện tích năng Bác Ái



### 1.2- Các dự án Nhiệt điện:

Trong năm Công ty triển khai các dịch vụ nâng cấp, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy nhiệt điện và các dịch vụ khác:

- Hoàn thành Đề án Thành lập Chi nhánh EPS phía Bắc.
- Hoàn thành Đề án Chiến lược bảo dưỡng sửa chữa cho nhà máy nhiệt điện thuộc GENCO 1; Hoàn thành và được phê duyệt đề án chuyển đổi nhiên liệu phụ từ dầu FO sang dầu DO các tổ máy 300MW và 330MW Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí;
- Hoàn thành Gói Dịch vụ tối ưu hóa và nâng cao độ tin cậy lò hơi Nhà máy Nhiệt điện đốt than thuộc GENCO 3; Tham gia tư vấn về Đề án tăng công suất, hiệu suất cho Nhà máy điện Phú Mỹ 1; Khảo sát, đánh giá thực trạng Nhà máy, hỗ trợ vận hành ổn định cho Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2.
- Lập HSMT, chọn tư vấn lập FS dự án “Cải tạo nâng cấp thiết bị của Dây chuyền 1”; Thẩm tra các BCNCKT Dự án Cải tạo, nâng cấp thiết bị hệ thống khử bụi tĩnh điện Dây chuyền 1 và BCNCKT Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống khử lưu huỳnh trong khói của Dây chuyền 1 - Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại.
- Tư vấn Lập phạm vi công việc, lập định mức bảo dưỡng sửa chữa, lập phương án, thiết kế và chế tạo, lắp đặt, cải tạo sửa chữa băng tải gầu thải xỉ của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.
- Tư vấn Lập định mức tồn kho vật tư phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng cho Nhà máy Nhiệt điện Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch.
- Lập báo cáo sơ bộ đề án hệ thống chuyển đổi dầu nhiên liệu từ FO sang DO cho Dây chuyền 2, có tính đến Dây chuyền 1 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
- Thẩm tra thiết kế kỹ thuật và Hồ sơ EPC Trung tâm Nhiệt điện Vĩnh tân 4 Mở rộng



Chuyển đổi dầu FO – DO  
Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí



Khảo sát Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2



Đề án tăng công suất, hiệu suất cho Nhà máy điện Phú Mỹ 1





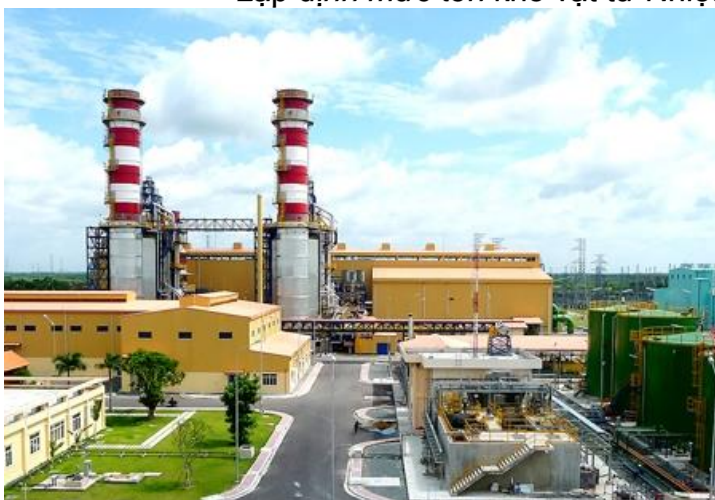
Cải tạo nâng cấp thiết bị  
Nhiệt điện Phả Lại



Lập định mức bảo dưỡng sửa chữa  
Nhiệt điện Vũng Áng 1



Lập định mức tồn kho vật tư Nhiệt điện Nhơn Trạch



Lập định mức tồn kho vật tư  
Nhiệt điện Cà mau 1&2

### 1.3- Các dự án Năng lượng tái tạo:

Trong lĩnh vực năng lượng mặt trời: trong năm, Công ty đã tổ chức và triển khai thực hiện, hoàn thành nhiều đề án, tiếp cận được nhiều nhà đầu tư trong và ngoài Ngành, mở ra cơ hội việc làm cho năm 2017 và các năm tiếp theo, cụ thể:

- Nhà máy Điện mặt trời Phước Thái, tỉnh Ninh Thuận (200 MW); Nhà máy Điện mặt trời Sông Bình, tỉnh Bình Thuận (200MW): Công ty đã hoàn thành báo cáo nghiên cứu phát triển dự án và báo cáo bổ sung quy hoạch. Hiện nay, đề án bổ sung quy hoạch Nhà máy Điện mặt trời Phước Thái vào Tổng sơ đồ VII (điều chỉnh) đã được Bộ Công Thương trình Chính phủ xem xét.

- Ngoài ra, Công ty đã xúc tiến triển khai lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo phát triển các dự án/Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch: Nhà máy Điện mặt trời xã Cam Phước Tây(75MW), Phước Hữu(200MW) ; Nhà máy Điện mặt trời Vạn Ninh (148MW- Khánh Hòa); Nhà máy Điện mặt trời tại NMTĐ Sê San 4(49MW), Nhà máy Điện mặt trời tại NMTĐ Sông Ba Hạ(100MW) v.v.

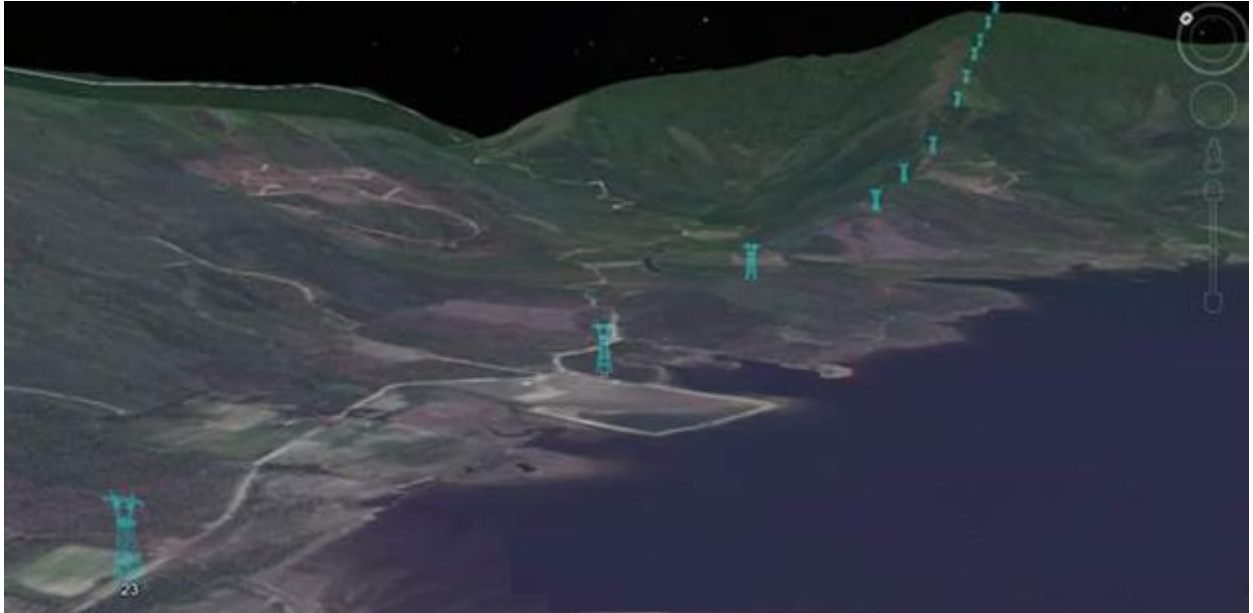
- Công ty đã hoàn thành Đề án Quy hoạch phát triển Điện mặt trời tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến 2030. Đề án đang được UBND tỉnh xem xét góp ý, dự kiến sẽ được phê duyệt trong quý 2/2017.



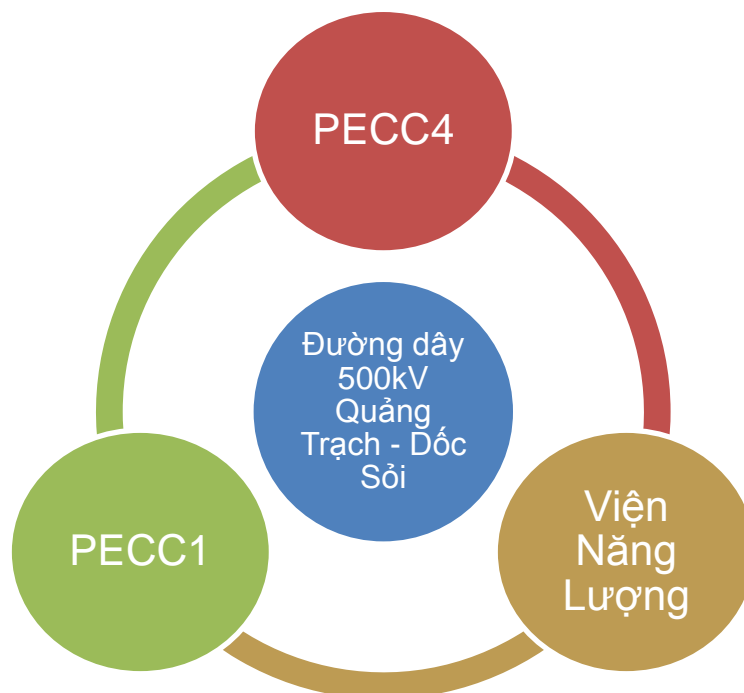
Ngoài ra, Công ty còn tham gia lĩnh vực điện sinh khối như: Lập Pre F/S cho nhà máy nhiệt điện đồng phát trong Nhà máy đường Nasuco - Nghệ An cho GIZ và Nhà máy đường Hậu Giang cho GGGI ( Hàn Quốc)...

### 1.4- Các dự án Lưới điện:

Nhằm tối ưu hệ thống lưới điện truyền tải tại Việt Nam, Công ty đã nghiên cứu, tính toán hệ thống, đề xuất sự cần thiết đầu tư xây dựng để cấp điện cho miền Nam (Tổng sơ đồ VII điều chỉnh chưa đề cập)



Đường dây 500kV mạch 3



Liên danh triển khai và hoàn thành BCNCKT



Khảo sát, lập  
Báo cáo  
nghiên cứu  
khả thi



Đường dây 500kV  
Nhiệt điện Nam  
Định 1 – Phố Nối

Trạm biến áp  
220kV Vân Phong

Trạm biến áp  
220kV Hải Châu

Đường dây 220kV  
Hòa Khánh - Hải  
Châu

TBA 220kV Tháp  
Chàm (Máy 2)

TBA 220kV Lai  
Châu (Máy 2)

Các TBA và  
đường dây khác



Tư vấn khảo sát, thiết kế lưới điện



Đường dây 220kV Đồng Hới – Đông Hà

Đường dây 220kV Nha Trang – Tháp Chàm

Đường dây 220kV Tuy Hòa – Nha Trang

Đường dây 110kV Tân Thành - Trạm 220kV Hàm Tân

TBA 220kV Tháp Chàm (Máy 2), TBA 500kV Thường Tín

Trạm biến áp 220kV Phù Mỹ, TBA 220kV Phong Điền

Các TBA và đường dây khác



Tư vấn, giám sát  
tác giả lưới điện



TBA 500kV Lai Châu

TBA 220kV Sơn Hà

TBA 220kV Thái Thụy

Đường dây 220kV  
Thượng Kon Tum –  
Quảng Ngãi

Đường dây 220kV  
Quảng Ngãi – Quy  
Nhơn

Đường dây 500kV  
đầu nối NMTĐ  
Thăng Long

### 1.5- Tư vấn giám sát thi công công trình:

Hoàn thành công tác TVGS thi công xây dựng Đường dây 220kV An Khê - Quy Nhơn mạch 2, kết hợp cải tạo mạch 1; Triển khai giám sát thi công xây dựng các dự án TBA 500kV Tây Hà Nội, Đường dây 220kV Ninh Bình - Nam Định, Đường dây 220kV mạch kép Thái Bình - Tiền Hải - Trục Ninh, Đường dây 500kV đấu nối NMNĐ Thăng Long và một số dự án lưới điện khác... Tiếp tục thực hiện công tác TVGS thi công Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân.

Triển khai công tác Tư vấn quản lý hợp đồng EPC dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4 mở rộng



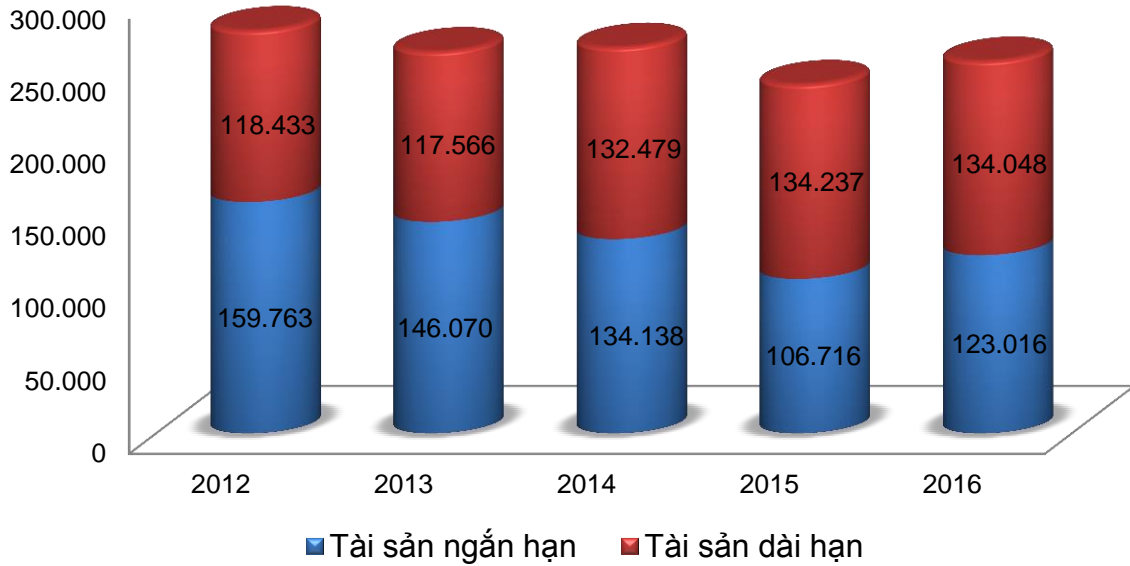
Đường dây 220kV An Khê - Quy Nhơn mạch 2, kết hợp cải tạo mạch 1



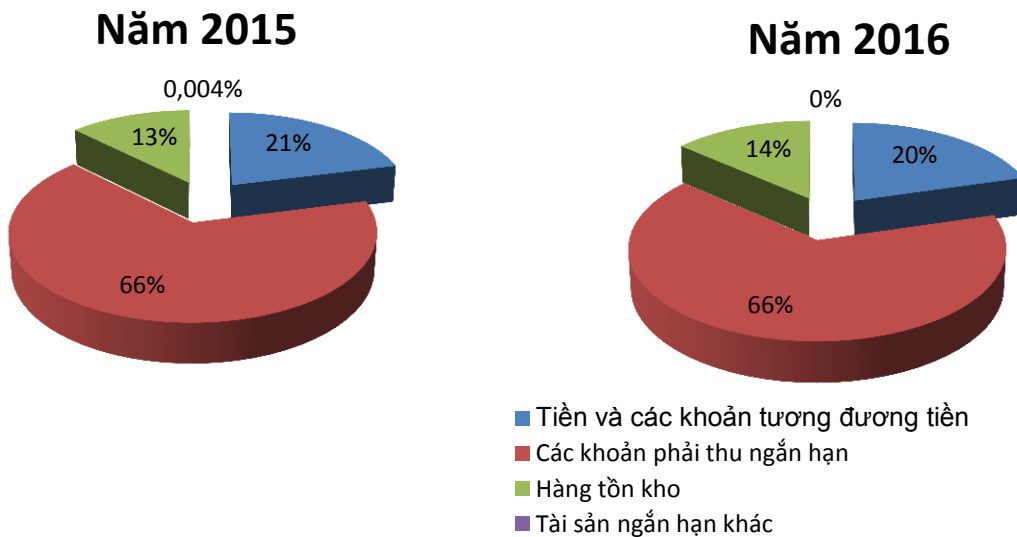
TBA 500kV Tây Hà Nội

## 2- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản



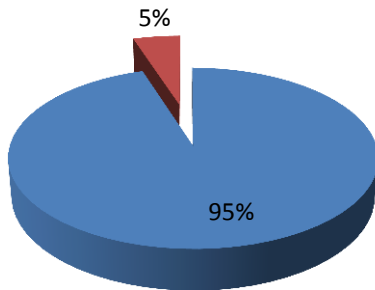
Tài sản của Công ty CP TVXD Điện 4 đến thời điểm 31/12/2016 tăng 16.111 triệu đồng tương đương tăng 6,69% so với thời điểm 1/1/2016. Trong đó cơ cấu tài sản ngắn hạn chiếm 47,85%, tài sản dài hạn chiếm 52,15% tổng tài sản, phù hợp với cơ cấu của ngành tư vấn



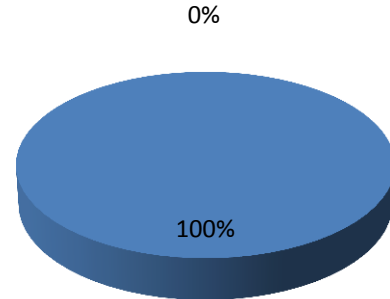


## Tình hình nợ phải trả

Năm 2015



Năm 2016



■ Nợ ngắn hạn  
■ Nợ dài hạn

Nợ phải trả của Công ty trong năm 2016 tăng 15.588 triệu đồng (+25,78%) so với đầu năm. Trong đó, khoản nợ ngắn hạn tăng 18.588 triệu và khoản nợ dài hạn giảm 3.000 triệu đồng. Cuối năm, Công ty đảm bảo được nguồn vốn tự tài trợ, không có khoản vay và nợ thuê tài chính

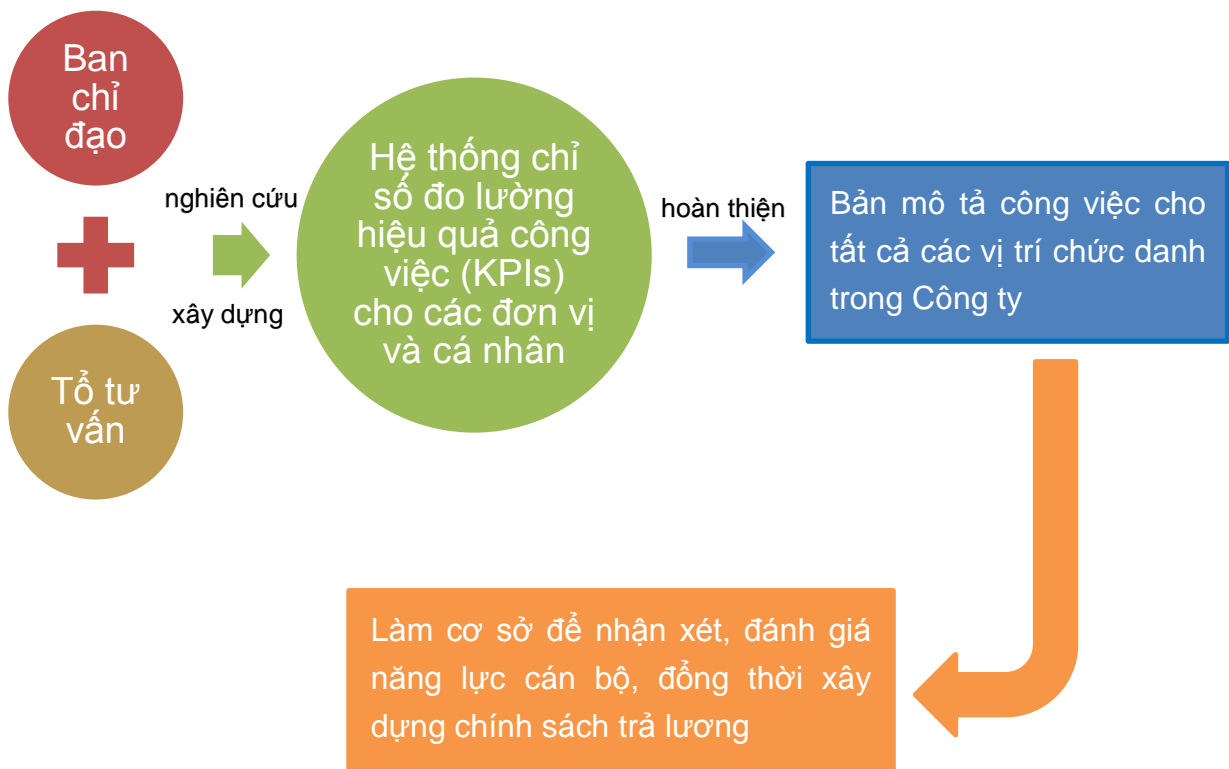


### 3- NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

#### Về quản trị doanh nghiệp

Tiếp tục củng cố và phát triển nguồn nhân lực; Điều động, luân chuyển cán bộ, tuyển dụng bổ sung nhân lực đáp ứng nhu cầu sản xuất.

Công ty triển khai mạnh mẽ việc xây dựng Hệ thống chỉ số đo lường hiệu quả công việc (KPIs)



## Nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ và đào tạo phát triển

Đầu tư mua sắm, đổi mới trang thiết bị

Đảm bảo nhu cầu thiết bị phục vụ các Công trình trọng điểm

Phục vụ công tác khoan

Thí nghiệm hàm ngang

Đầu tư mua sắm, đào tạo và ứng dụng khoa học, công nghệ

Các phần mềm quản lý dự án

Phần mềm thiết kế

Thẩm tra hồ sơ đề án



## **Nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ và đào tạo phát triển**



Hội thảo nhiệt điện



Đào tạo kiểm toán viên năng lượng



Hội thảo vật liệu giảm điện trở suất

## Nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ và đào tạo phát triển



Đào tạo đánh giá viên nội bộ theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2015



Hội thảo giới thiệu về đầu cấp ngầm



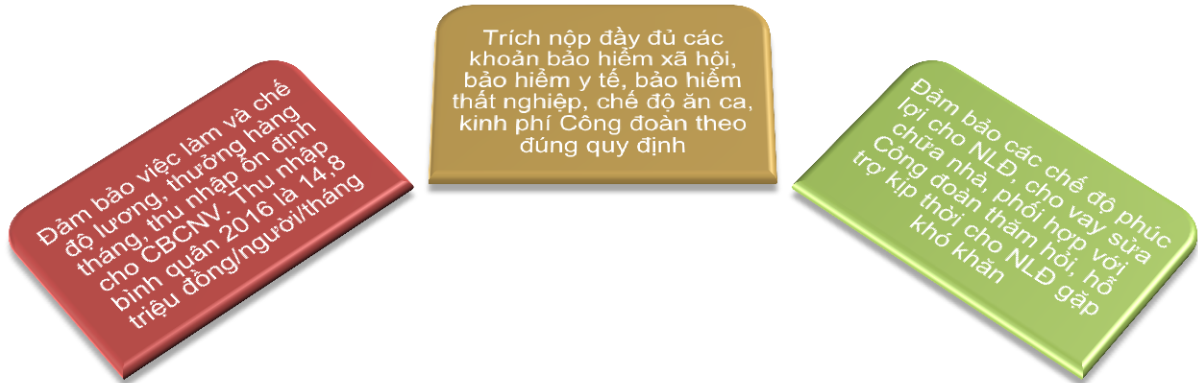
Đào tạo phần mềm PLS - CADD

## 4- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2017



## 5- BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

### Chính sách đối với người lao động



Ngoài ra, Công ty và Công đoàn phối hợp tổ chức tặng quà tết cho CBCNV, cán bộ hưu trí, các hoạt động khác: Tổ chức giao lưu CBCNV và CB hưu trí nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty; Tổ chức Hội thao; Tổ chức Lễ tuyên dương, khen thưởng thành tích học tập con cán bộ công nhân viên Công ty nhân Ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6; Tổ chức Vui Tết Trung thu...



Sinh hoạt 8/3 tại Pháp Viện Thánh Sơn



Tuyên dương con CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6

Sinh hoạt 20/10



Trung thu cho con CBCNV

Hội thao 2016





**Công tác an toàn - vệ sinh lao động:**

- + Công ty và Công đoàn đã tổ chức các Đoàn Công tác thăm hỏi CB công nhân và kiểm tra công tác ATVSLĐ tại hiện trường – Công trình Thủy điện tích năng Bác Ái... Duy trì thực hiện 5S trong toàn Công ty, đảm bảo an toàn VSLĐ, phòng chống cháy nổ.
- + Chú trọng cải thiện môi trường làm việc, chăm sóc sức khỏe cho NLĐ, tổ chức khám sức khỏe định kỳ CBCNV theo đúng quy định



Khám sức khỏe định kì

## Hoạt động cộng đồng



Hỗ trợ cho các hộ dân trong vụ hỏa hoạn nghiêm trọng tại Cồn Nhất Trí – TP Nha Trang



Tặng quà xã Sơn Lâm – Huyện Khánh Vĩnh



Tuần lễ hồng EVN

## Hoạt động phong trào



Kỷ niệm 85 năm thành lập  
Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh



Hội thao kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty



## Hoạt động phong trào



Kỷ niệm 40 năm xây dựng và phát triển Công ty



Văn nghệ quần chúng

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

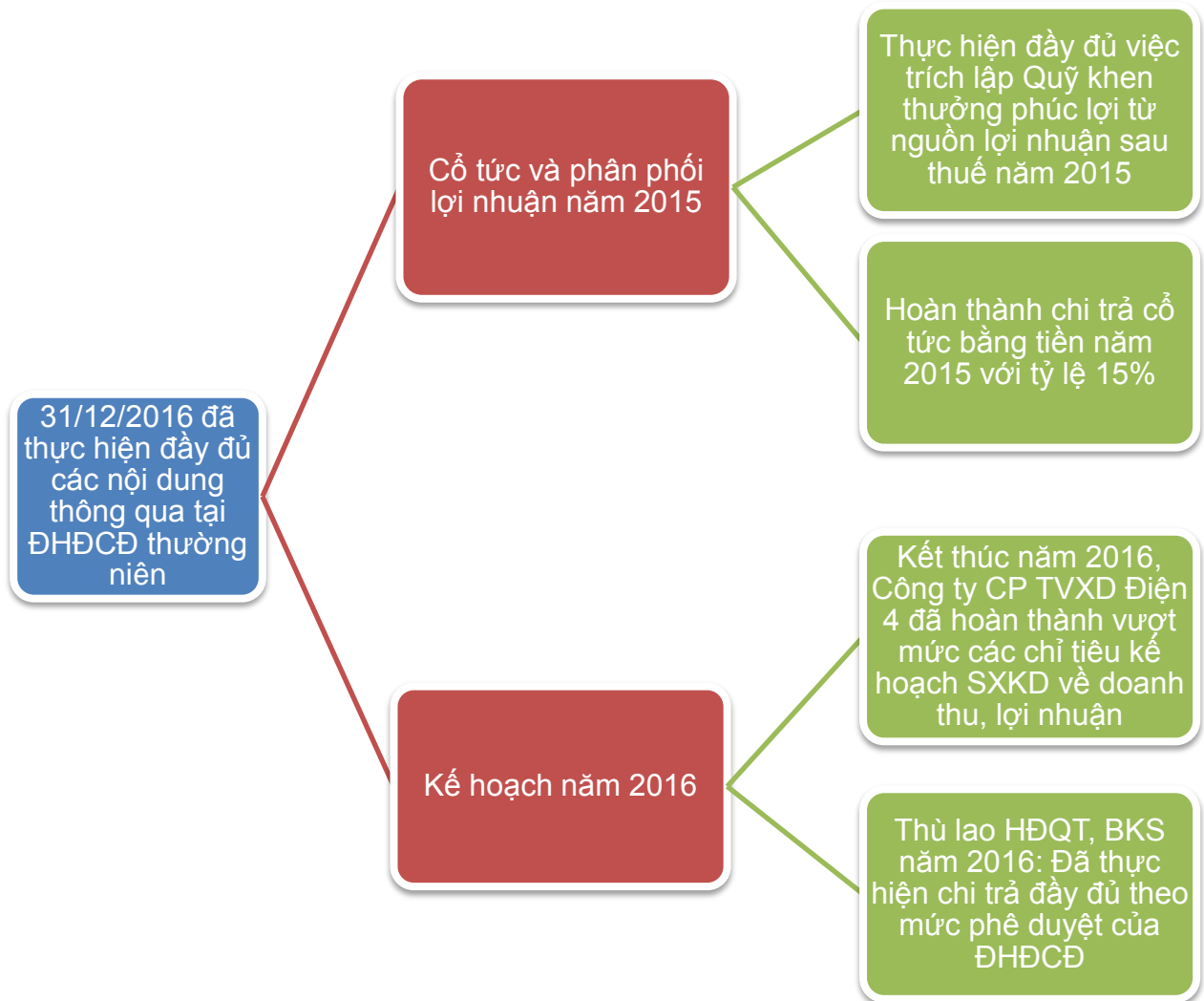
2- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc

3- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



## 1- ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

HĐQT đã thực hiện tốt chức năng giám sát, đảm bảo kết quả hoạt động SXKD theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra



## 2- ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban TGD trong việc điều hành SXKD và triển khai các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2016



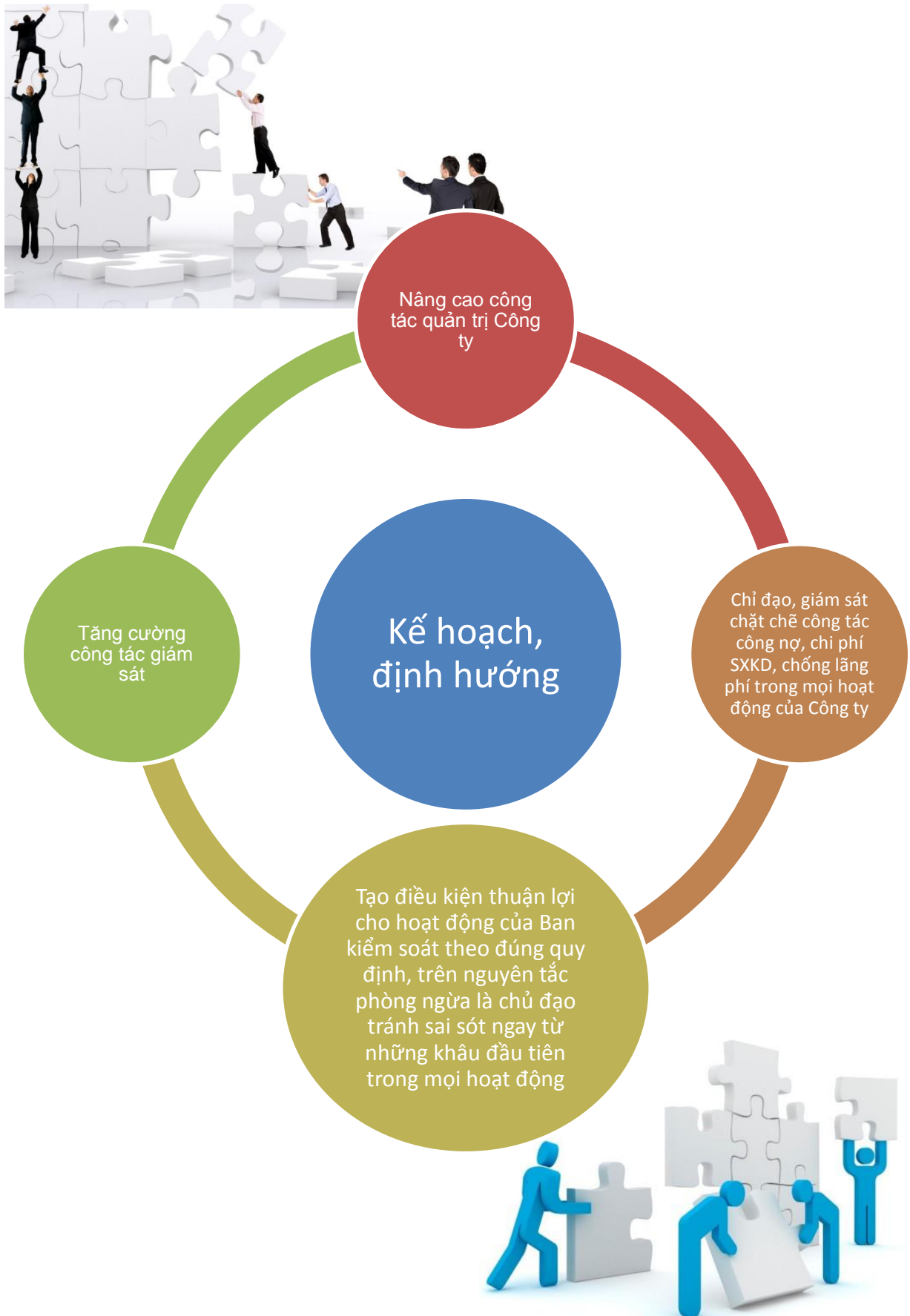
HĐQT đã trao đổi, thảo luận, chất vấn Ban TGD tại các cuộc họp HĐQT về các nội dung liên quan đến tình hình HĐ SXKD Công ty. Các vấn đề nổi trội, khó khăn vướng mắc đều được xác định, giải quyết một cách triệt để và phù hợp

HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng nghị quyết/ biên bản cuộc họp sau mỗi kỳ họp về kế hoạch SXKD và các vấn đề liên quan khác để Ban TGD có cơ sở triển khai thực hiện



Dưới sự chỉ đạo điều hành của Ban TGD, đến cuối năm 2016, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD do ĐHĐCĐ đề ra. Ban TGD đã triển khai thực hiện tốt các hoạt động theo ủy quyền, phù hợp với các Nghị quyết HĐQT

### 3- KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1- Hội đồng quản trị

2- Ban kiểm soát

3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và Ban kiểm soát



## 1- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- |                        |                                   |
|------------------------|-----------------------------------|
| 1. Ông Phạm Minh Sơn   | Chủ tịch Hội đồng quản trị        |
| 2. Ông Nguyễn Duy Bình | Ủy viên Hội đồng quản trị         |
| 3. Ông Trần Hoài Nam   | Ủy viên Hội đồng quản trị         |
| 4. Ông Vũ Thành Danh   | Ủy viên Hội đồng quản trị         |
| 5. Ông Trần Văn Thọ    | Ủy viên độc lập Hội đồng quản trị |

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các Ủy viên Hội đồng quản trị có đến thời điểm 28/2/2017:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu			Tỷ lệ (%)
			Cá nhân	Đại diện vốn NN	Tổng	
1	Phạm Minh Sơn	Chủ tịch HĐQT	110.319	4.179.138	4.289.457	29,38
2	Nguyễn Duy Bình	UV HĐQT	-	3.134.353	3.134.353	21,47
3	Trần Hoài Nam	UV HĐQT	24.443	3.134.353	3.158.796	21,64
4	Vũ Thành Danh	UV HĐQT	49.684	-	49.684	0,34
5	Trần Văn Thọ	UV HĐQT	26.737	-	26.737	0,18

## Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2016, HĐQT đã tổ chức họp và có các chỉ đạo kịp thời. Nội dung các phiên họp và tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT như sau:

Phiên họp	Số thành viên	Hình thức (Họp/Xin ý kiến bằng VB)	Nội dung họp	Nghị quyết, Quyết định
Phiên 1 (05/01/2016)	5/5	Xin ý kiến bằng VB	V/v tạm ứng cổ tức 2015	NQ v/v tạm ứng cổ tức năm 2015 (02/NQ- HĐQT ngày 05/01/2016)
Phiên 2 (23/01/2016)	5/5	Xin ý kiến bằng VB	V/v đề nghị phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2015	QĐ phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2015 (61/QĐ-HĐQT ngày 23/01/2016)
Phiên 3 (04/03/2016)	5/5	Xin ý kiến bằng VB	V/v tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2016 của Công ty CP TVXD Điện 4	NQ v/v tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2016 của Công ty CP TVXD Điện 4 (119/NQ-HĐQT ngày 04/03/2016)
Phiên 4 (31/03/2016)	5/5	Xin ý kiến bằng VB	V/v đề nghị phê duyệt kế hoạch tiền lương năm 2016	QĐ v/v phê duyệt kế hoạch tiền lương năm 2016 (119A/QĐ-HĐQT ngày 31/03/2016)
Phiên 5 (04/04/2016)	5/5	Họp	Thông qua các báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên 2016: Báo cáo HĐQT, Báo cáo của BĐH năm 2016	
Phiên 6 (27/04/2016)	5/5	Họp	Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ năm 2016 (sau khi có NQ của HĐTV EVN)	NQ về các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2016 của Công ty (209/NQ-HĐQT ngày 27/04/2016)
Phiên 7 (08/7/2016)	5/5	Xin ý kiến bằng VB	- Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2015 (đợt 2) của Công ty CP TVXD Điện 4 - Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2016	- NQ v/v tạm ứng cổ tức năm 2015 (đợt 2) (305/NQ-HĐQT ngày 08/7/2016) - NQ v/v chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2016 (306/NQ-HĐQT ngày 08/7/2016)
Phiên 8 (23/07/2016)	5/5	Họp	Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm, kế hoạch 6 tháng cuối năm và Thành lập trung tâm TVGS và QLXD	NQ v/v Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm, kế hoạch 6 tháng cuối năm và Thành lập trung tâm TVGS và QLXD (372/NQ-HĐQT ngày 23/7/2016)
Phiên 9	5/5	Xin ý kiến bằng VB	Thông qua việc thanh toán cổ tức còn lại năm 2015 bằng tiền	NQ v/v thanh toán cổ tức còn lại năm 2015 (517NQ-HĐQT

(28/10/2016)			mặt của Công ty CP TVXD Điện 4	ngày 28/10/2016)
Phiên 10 (31/10/2016)	5/5	Xin ý kiến bằng VB	Thông qua việc rà soát quy hoạch cán bộ (QHCB) giai đoạn 2017-2021 và xây dựng mới QHCB giai đoạn 2020-2025 của Công ty	NQ v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2015 (NQ số 155/NQ-HĐQT ngày 26/6/2015)
Phiên 11 (2/11/2016)	5/5	Họp	Thông qua kết quả SXKD 10 tháng đầu năm, kế hoạch 2 tháng cuối năm 2016	
Phiên 12 (16/11/2016)	5/5	Họp	Thông nhất kế hoạch góp vốn và cử người tham gia ứng cử HĐQT Công ty CP Điện Sơn Giang	NQ v/v Thống nhất kế hoạch góp vốn và cử người tham gia ứng cử HĐQT Công ty Sơn Giang. (535/NQ-HĐQT ngày 16/11/2016; 536/QĐ-HĐQT ngày 16/11/2016)
Phiên 13 (25/12/2015)	5/5	Họp	- Thông qua Báo cáo dự kiến hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2015 xây dựng kế hoạch SXKD năm 2016; - Xem xét ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty;	QĐ v/v ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty CP Tư vấn xây dựng Điện 4 (QĐ số 428/QĐ-TVĐ4 ngày 26/12/2015)
Phiên 14 (31/12/2015)	5/5	Xin ý kiến bằng VB	Về việc xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi của TV4	NQ v/v xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi của TV4 (NQ430/NQ-HĐQT ngày 31/12/2015)

Danh sách các ủy viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

1. Ông Phạm Minh Sơn - Chủ tịch HĐQT: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
2. Ông Vũ Thành Danh - Ủy viên HĐQT: Thạc sỹ quản trị kinh doanh, đạt chứng chỉ quản trị công ty do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp

## 2- BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

- |                           |            |
|---------------------------|------------|
| 1. Ông Hồ Nam Khánh       | Trưởng Ban |
| 2. Ông Trần Vĩnh Thái     | Thành viên |
| 3. Bà Vương Xuân Thị Liên | Thành viên |

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban kiểm soát có đến thời điểm 28/2/2017:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Hồ Nam Khánh	Trưởng BKS	48.307	0,33
2	Trần Vĩnh Thái	Thành viên BKS	-	-
3	Vương Xuân Thị Liên	Thành viên BKS	-	-



## **Hoạt động của Ban Kiểm soát**

Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 phiên họp, 02 đợt kiểm soát tại Trụ sở Công ty theo kế hoạch và thường xuyên trao đổi thông tin trong Ban kiểm soát để phục vụ công tác giám sát các mặt hoạt động của Công ty. Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2016 như sau:

- Đã tiến hành họp để phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban kiểm soát, kiểm tra đánh giá theo chức năng đã được quy định.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;
- Tham gia cùng HĐQT, Ban Tổng giám đốc rà soát và góp ý các quy chế quản lý nội bộ để ban hành các nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định phù hợp với pháp luật hiện hành;
- BKS đã tham dự các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban định kỳ giữa Ban TGD và các cán bộ quản lý, các cuộc họp quan trọng khác liên quan đến hoạt động SXKD, chiến lược phát triển Công ty. Và đưa ra các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của BKS;
- Xem xét báo cáo tổng kết, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ của Ban Tổng giám đốc để kịp thời cập nhật thông tin cho hoạt động của BKS;
- Chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin liên quan đến quan hệ cổ đông. Giám sát Công ty trong việc chấp hành các quy định đối với công ty niêm yết trên sàn chứng khoán trong việc công bố thông tin, báo cáo quản trị Công ty;
- Tham gia đối chiếu việc cập nhật điều lệ sửa đổi của Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 thông qua theo Nghị quyết số 214/2016/NQ-ĐHĐCĐ.
- Tham gia các đợt tập huấn chuyên môn nghiệp vụ phục vụ công tác kiểm soát;
- BKS cũng đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các báo cáo về công tác kiểm soát theo quy định.
- Thẩm định báo cáo tài chính sáu tháng và báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.
- Theo dõi việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua và việc tạm ứng cổ tức năm 2016 theo Nghị quyết HĐQT TV4.
- Rà soát kiểm tra chu trình tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 theo điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.
- Thẩm định các Hồ sơ chào thầu dịch vụ kiểm toán soát xét BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu năm, kiểm toán BCTC năm 2016 của các đơn vị kiểm toán và đề xuất đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 theo đúng chức năng, nhiệm vụ của BKS quy định tại Điều lệ Công ty.

### 3- CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016, Công ty đã thực hiện trong năm như sau:

Tổng Quỹ thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty thực hiện: 504.000.000 đồng.

Chi tiết như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền đã nhận
1	Phạm Minh Sơn	Chủ tịch HĐQT	96.000.000
2	Nguyễn Duy Bình	Ủy viên HĐQT	72.000.000
3	Trần Văn Thọ	Ủy viên HĐQT	72.000.000
4	Trần Hoài Nam	Ủy viên HĐQT	72.000.000
5	Vũ Thành Danh	Ủy viên HĐQT	72.000.000
6	Vũ Ngọc Thư	Trưởng BKS – miễn nhiệm ngày 28/4/2016	18.000.000
7	Trần Vĩnh Thái	Thành viên BKS	42.000.000
8	Vương Xuân Thị Liên	Thành viên BKS	42.000.000
9	Nguyễn Minh Hằng	Thư ký	18.000.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>504.000.000</b>

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không phát sinh

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

### **1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City  
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Cần Thơ City  
www.a-c.com.vn

Số: 026/2017/BCTC-KTTV

#### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2017, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

##### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

##### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

##### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C  
Chi nhánh Nha Trang**



**Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

**Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1513-2013-008-1



## 2- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>123.016.388.654</b>	<b>106.716.218.995</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>25.256.467.922</b>	<b>22.446.436.893</b>
1. Tiền	111		20.256.467.922	8.446.436.893
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	14.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>80.986.712.993</b>	<b>70.887.111.072</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	75.613.294.847	71.152.693.943
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.191.618.297	2.596.806.461
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	11.469.451.118	8.877.920.737
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(12.287.651.269)	(11.740.310.069)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>16.773.207.739</b>	<b>13.377.472.269</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	16.773.207.739	13.377.472.269
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	<b>5.198.761</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	-	5.198.761
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>134.048.340.285</b>	<b>134.237.097.398</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.898.192.121</b>	<b>2.082.336.984</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	1.828.192.121	2.012.336.984
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	70.000.000	70.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.826.289.846</b>	<b>24.894.878.303</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	8.880.707.842	9.729.739.810
- Nguyên giá	222		34.157.773.536	33.511.228.081
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.277.065.694)	(23.781.488.271)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	14.945.582.004	15.165.138.493
- Nguyên giá	228		18.828.157.411	18.797.483.911
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.882.575.407)	(3.632.345.418)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>106.541.640.000</b>	<b>105.941.640.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	104.450.000.000	103.850.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	2.091.640.000	2.091.640.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.782.218.318</b>	<b>1.318.242.111</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.782.218.318	1.318.242.111
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>257.064.728.939</b>	<b>240.953.316.393</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>76.054.242.808</b>	<b>60.466.301.691</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>76.054.242.808</b>	<b>57.466.301.691</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	9.007.430.317	7.293.851.403
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	46.252.826.690	29.118.791.548
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.081.537.493	3.552.778.700
4. Phải trả người lao động	314	V.14	9.356.201.560	7.803.724.472
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		730.936.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	3.646.081.508	4.156.290.116
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	2.979.229.240	5.540.865.452
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>3.000.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	-	3.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>181.010.486.131</b>	<b>180.487.014.702</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>181.010.486.131</b>	<b>180.487.014.702</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	145.996.140.000	145.996.140.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18	(15.784.110.000)	(15.784.110.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.18	(745.850.060)	(745.850.060)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	26.753.260.607	26.753.260.607
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.18	1.721.694.867	1.721.694.867
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	23.069.350.717	22.545.879.288
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.157.300.042	22.545.879.288
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		15.912.050.675	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>257.064.728.939</b>	<b>240.953.316.393</b>

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 02 năm 2017



**Trần Lê Thanh Bình**  
Người lập



**Vũ Thành Danh**  
Kế toán trưởng




**Phạm Minh Sơn**  
Tổng Giám đốc

### 3- BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

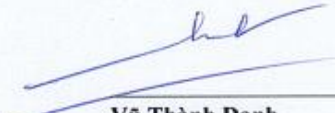
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	173.922.554.025	140.542.529.949
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		173.922.554.025	140.542.529.949
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	121.738.597.125	97.716.980.532
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.183.956.900	42.825.549.417
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.551.187.108	12.495.797.255
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	235.787.377	287.555.474
Trong đó: chi phí lãi vay	23		234.903.727	272.832.675
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.000.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	33.795.616.210	29.458.655.563
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.698.740.421	25.575.135.635
11. Thu nhập khác	31	VI.7	62.769.000	42.989.909
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.821.025	81.620.046
13. Lợi nhuận khác	40		60.947.975	(38.630.137)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.759.688.396	25.536.505.498
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	3.690.337.679	2.990.626.210
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>23.069.350.717</u>	<u>22.545.879.288</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>1.587</u>	<u>1.551</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>1.587</u>	<u>1.551</u>



Khánh Hòa, ngày 20 tháng 02 năm 2017



Trần Lê Thanh Bình  
Người lập



Vũ Thành Danh  
Kế toán trưởng

Phạm Minh Sơn  
Tổng Giám đốc

## 4- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.759.688.396	25.536.505.498
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10	1.745.807.412	1.455.606.254
- Các khoản dự phòng	03	V.6	547.341.200	(3.079.981.615)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.509.110.553)	(12.365.715.699)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	234.903.727	272.832.675
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.778.630.182	11.819.247.113
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.905.048.258)	27.872.610.367
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(3.395.735.470)	1.215.768.748
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		21.698.821.010	(18.047.251.800)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8a,b	(458.777.446)	(429.061.545)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(245.423.727)	(1.071.366.872)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(4.296.843.960)	(2.300.964.329)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	10.000.000	26.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(3.314.879.000)	(2.740.786.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>21.870.743.331</b>	<b>16.344.195.682</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9; V.10	(644.218.955)	(3.253.414.602)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2a	(600.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	458.360.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.951.360.553	5.615.465.699
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>5.707.141.598</b>	<b>2.820.411.097</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16a	31.237.652.382	17.162.710.500
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16a	(34.237.652.382)	(24.741.756.682)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.15; V.18	(21.767.853.900)	(19.759.013.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(24.767.853.900)</b>	<b>(27.338.059.182)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>2.810.031.029</b>	<b>(8.173.452.403)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>22.446.436.893</b>	<b>30.619.889.296</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>25.256.467.922</b>	<b>22.446.436.893</b>

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 02 năm 2017

  
**Trần Lê Thanh Bình**  
 Người lập

  
**Vũ Thành Danh**  
 Kế toán trưởng

  
**Phạm Minh Sơn**  
 Tổng Giám đốc

## 5- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ tư vấn.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn, khảo sát và thiết kế điện.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, doanh thu tăng trưởng hơn 23,75% tương ứng tăng hơn 33,3 tỷ VND do tăng mạnh doanh thu khảo sát các công trình điện.

#### 6. Cấu trúc Công ty

*Các Công ty liên doanh, liên kết*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Tầng 7, khách sạn Biệt Điện, 01 Ngô Quyền, Phường Thắng Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh điện	31%	31%	31%
Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang	Số 14/34 đường Phan Đăng Lưu, Phường 9, Thành phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Kinh doanh điện	30%	30%	30%

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh phía Bắc	Lô số 3 – TT4 – Ngõ 183 – Phố Hoàng Văn Thái – Phường Khương Trung – Quận Thanh Xuân – TP. Hà Nội
Chi nhánh phía Nam	28B Đặng Tất - Phường Tân Định - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 464 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 475 nhân viên).



## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động.

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

##### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nhân công và nguyên vật liệu.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

#### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

#### *Phương tiện vận tải*

Phương tiện vận tải có nguyên giá dưới 30 triệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí khác được phân bổ theo thời gian sử dụng thực tế phí tra cứu văn bản pháp luật trực tuyến.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

#### **9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận bàn giao từ Công ty Nhà Nước được xác định theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005.

##### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

#### **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 11. **Vốn chủ sở hữu**

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

## 12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Quyết định Hội Đồng quản trị về việc chi trả cổ tức.

### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.



**15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

**16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

**21. Công cụ tài chính**

**Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

**Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	52.895.000	352.649.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.203.572.922	8.093.787.893
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> )	5.000.000.000	14.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>25.256.467.922</u></b>	<b><u>22.446.436.893</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

### 2a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000884487 ngày 20 tháng 05 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn 103.850.000.000 VND, tương đương 31% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ vốn theo điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4401028708 ngày 22 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp cho Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 600.000.000 VND, vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang là 14.400.000.000 VND.

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn đang hoạt động bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang mới thành lập ngày 22/11/2016 và đang trong quá trình xây dựng chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết không bị giảm giá trị do đó Công ty không trích lập dự phòng.

#### Giao dịch với công ty liên kết

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch góp vốn vào Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang là công ty liên kết với số tiền 600.000.000 VND. Năm trước Công ty chỉ phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ khảo sát thiết kế Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn là công ty liên kết với số tiền là 2.230.184.730 VND.

### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Cổ phiếu</b>						
Công ty cổ phần EVN Quốc tế	105.000	1.050.000.000	-	105.000	1.050.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khánh Hòa – Hà Nội	104.164	1.041.640.000	-	104.164	1.041.640.000	-
<b>Cộng</b>		<b>2.091.640.000</b>	<b>-</b>		<b>2.091.640.000</b>	<b>-</b>

### 3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

#### 3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.726.583.861</b>	<b>1.115.332.656</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	1.611.251.205	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	974.266.502	974.266.502
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	141.066.154	141.066.154

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>72.886.710.986</b>	<b>70.037.361.287</b>
Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang	8.302.760.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Nam	5.664.180.169	7.264.180.169
Các khách hàng khác	58.919.770.817	62.773.181.118
<b>Cộng</b>	<b>75.613.294.847</b>	<b>71.152.693.943</b>

### 3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế	1.532.762.821	1.532.762.821
Ban Quản lý dự án Thủy Điện 2	156.818.300	156.818.300
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	138.611.000	138.611.000
Ban Quản lý dự án Thủy điện 1	-	184.144.863
<b>Cộng</b>	<b>1.828.192.121</b>	<b>2.012.336.984</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>1.122.997.242</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	1.122.997.242	-
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>5.068.621.055</b>	<b>2.596.806.461</b>
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại HTC	1.864.611.600	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Năng lượng - Hà Nội	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Lê Nguyên	397.101.100	397.101.100
Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp	269.146.436	269.146.436
Các nhà cung cấp khác	2.137.761.919	1.530.558.925
<b>Cộng</b>	<b>6.191.618.297</b>	<b>2.596.806.461</b>

### 5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>8.308.000.000</b>	<b>-</b>	<b>6.750.250.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn - Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.308.000.000	-	6.750.250.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>3.161.451.118</b>	<b>-</b>	<b>2.127.670.737</b>	<b>-</b>
Tạm ứng cho công nhân viên	2.754.421.947	-	1.841.967.261	-
Phải thu lại của người lao động	42.500.000	-	78.000.000	-
Bảo hiểm xã hội	22.322.000	-	-	-
Mott MacDonald Ltd., Co – Chi phí nhiên liệu chờ thu từ chủ đầu tư	-	-	23.892.818	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	342.207.171	-	183.810.658	-
<b>Cộng</b>	<b>11.469.451.118</b>	<b>-</b>	<b>8.877.920.737</b>	<b>-</b>

## 5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	70.000.000	-	70.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>70.000.000</b>	<b>-</b>	<b>70.000.000</b>	<b>-</b>

## 6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm		
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1	2008 2009 2010	6.037.929.873	4.830.343.898	2008 2009 2010	6.037.929.873	4.830.343.898
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 1	2010	5.919.992.822	4.015.316.154	2010	5.919.992.822	4.015.316.154
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	2010 2011	5.318.864.000	-	2010 2011	5.318.864.000	2.659.432.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Nhân Luật	2009	3.054.527.900	1.527.263.950	2009	3.054.527.900	1.527.263.950
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	2007 2008	2.481.247.709	1.760.255.309	2007 2008	3.455.841.709	2.734.849.309
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	2007	62.621.336	62.621.336	2007	3.686.461.336	1.530.276.536
Các khách hàng khác	1999 - 2013	2.460.082.057	851.813.781	1999 - 2013	2.671.988.057	1.107.813.781
<b>Cộng</b>		<b>25.335.265.697</b>	<b>13.047.614.428</b>		<b>30.145.605.697</b>	<b>18.405.295.628</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.740.310.069	14.820.291.684
Trích lập dự phòng bổ sung	547.341.200	1.516.817.092
Xử lý xóa sổ	-	(4.596.798.707)
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.287.651.269</b>	<b>11.740.310.069</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	457.514.549	-	491.433.726	-
Công cụ, dụng cụ	8.453.608	-	9.806.103	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.307.239.582	-	12.876.232.440	-
<b>Cộng</b>	<b>16.773.207.739</b>	<b>-</b>	<b>13.377.472.269</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**
**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	5.198.761
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5.198.761</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.522.260.347	1.303.037.507
Chi phí trả trước dài hạn khác	259.957.971	15.204.604
<b>Cộng</b>	<b>1.782.218.318</b>	<b>1.318.242.111</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	10.104.595.287	9.746.130.755	12.541.821.147	1.118.680.892	33.511.228.081
Mua trong năm	-	568.000.000	-	78.545.455	646.545.455
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.104.595.287</b>	<b>10.314.130.755</b>	<b>12.541.821.147</b>	<b>1.197.226.347</b>	<b>34.157.773.536</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	773.606.927	7.837.767.082	9.908.142.964	838.752.339	19.358.269.312
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	4.310.763.255	7.819.057.830	10.758.911.077	892.756.109	23.781.488.271
Khấu hao trong năm	465.031.208	501.386.502	451.077.900	78.081.813	1.495.577.423
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.775.794.463</b>	<b>8.320.444.332</b>	<b>11.209.988.977</b>	<b>970.837.922</b>	<b>25.277.065.694</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	5.793.832.032	1.927.072.925	1.782.910.070	225.924.783	9.729.739.810
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.328.800.824</b>	<b>1.993.686.423</b>	<b>1.331.832.170</b>	<b>226.388.425</b>	<b>8.880.707.842</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	7.093.957.000	9.463.506.000	2.240.020.911	18.797.483.911
Mua trong năm	-	-	30.673.500	30.673.500
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.093.957.000</b>	<b>9.463.506.000</b>	<b>2.270.694.411</b>	<b>18.828.157.411</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	2.107.552.255	2.107.552.255
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	1.476.920.505	2.155.424.913	3.632.345.418
Khấu hao trong năm	-	199.504.800	50.725.189	250.229.989
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.676.425.305</b>	<b>2.206.150.102</b>	<b>3.882.575.407</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	7.093.957.000	7.986.585.495	84.595.998	15.165.138.493
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.093.957.000</b>	<b>7.787.080.695</b>	<b>64.544.309</b>	<b>14.945.582.004</b>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>983.545.000</b>	<b>983.545.000</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	983.545.000	983.545.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>8.023.885.317</b>	<b>6.310.306.403</b>
Đoàn đo đạc biên vẽ hải đồ và nghiên cứu biển	917.730.264	917.730.264
Xí nghiệp Đo đạc Bản đồ Nông Nghiệp 1 - Hoà Bình	733.998.010	733.998.010
Các nhà cung cấp khác	6.372.157.043	4.658.578.129
<b>Cộng</b>	<b>9.007.430.317</b>	<b>7.293.851.403</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước của bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>762.712.795</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	762.712.795
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>46.252.826.690</b>	<b>28.356.078.753</b>
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Trung	11.666.723.079	4.247.698.817
Ban Quản lý dự án Điện lực Miền Nam	9.832.704.819	3.371.930.288
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn (ATS)	2.770.675.756	6.879.147.834
Các khách hàng khác	21.982.723.036	13.857.301.814
<b>Cộng</b>	<b>46.252.826.690</b>	<b>29.118.791.548</b>



**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.277.021.750	13.776.120.931	(12.852.921.847)	3.200.220.834
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.239.518.950	3.690.337.679	(4.296.843.960)	633.012.669
Thuế thu nhập cá nhân	36.238.000	1.037.149.480	(825.083.490)	248.303.990
Thuế nhà đất	-	3.123.300	(3.123.300)	-
Các loại thuế khác	-	201.297.303	(201.297.303)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.552.778.700</b>	<b>18.708.028.693</b>	<b>(18.179.269.900)</b>	<b>4.081.537.493</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng của dịch vụ tư vấn thiết kế, khảo sát là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.759.688.396	25.536.505.498
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(8.308.000.000)	(11.942.750.000)
Thu nhập tính thuế	18.451.688.396	13.593.755.498
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>3.690.337.679</b>	<b>2.990.626.210</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**14. Phải trả người lao động**

Quý lương trong năm được xác định theo theo Quyết định số 119A/QĐ-HĐQT ngày 31/3/2016 của Chủ tịch của Hội đồng Quản trị Công ty. Đơn giá tiền lương đối với doanh thu ghi nhận trong năm như sau:

- Hoạt động khảo sát tự làm: 530 VND/1.000 đồng doanh thu
- Hoạt động thiết kế tự làm: 510 VND/1.000 đồng doanh thu

Số dư tại ngày cuối năm là quỹ lương chưa chi hết cho người lao động.

### 15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>1.659.879.935</b>	<b>1.670.399.935</b>
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.659.879.935	1.670.399.935
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.986.201.573</b>	<b>2.485.890.181</b>
Kinh phí công đoàn	1.714.909.889	2.285.120.097
Phải trả về cổ phần hóa	2.100.000	2.100.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	84.154.400	49.371.800
Lãi trái phiếu phải trả	48.118.000	48.118.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	136.919.284	101.180.284
<b>Cộng</b>	<b>3.646.081.508</b>	<b>4.156.290.116</b>

### 16. Vay ngắn hạn/dài hạn

#### 16a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</b>		
Vay dài hạn đến hạn trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-
<b>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	-	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	-
<b>Cộng</b>	-	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	31.237.652.382	-	(31.237.652.382)	-
Vay dài hạn đến hạn trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
<b>Cộng</b>	-	<b>31.237.652.382</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>(34.237.652.382)</b>	-

**16b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả bên liên quan</i>		
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.000.000.000</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn: dưới 1 năm

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam như sau:

Số đầu năm	3.000.000.000
Kết chuyển sang vay ngắn hạn trong năm	<u>(3.000.000.000)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>		<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
		<u>Thưởng từ tập đoàn</u>	<u>Thưởng từ</u>		
Quỹ khen thưởng	2.474.434.174	499.842.788	10.000.000	(2.514.850.000)	469.426.962
Quỹ phúc lợi	2.396.131.278	-	-	(129.980.000)	2.266.151.278
Quỹ thưởng Ban điều hành	670.300.000	243.400.000	-	(670.049.000)	243.651.000
<b>Cộng</b>	<b>5.540.865.452</b>	<b>743.242.788</b>	<b>10.000.000</b>	<b>(3.314.879.000)</b>	<b>2.979.229.240</b>

**18. Vốn chủ sở hữu**
**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

**18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>		<u>Vốn điều lệ đã góp (VND)</u>	<u>Vốn điều lệ còn phải góp (VND)</u>
	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	104.478.440.000	71,56	104.478.440.000	-
Các cổ đông khác	41.517.700.000	28,44	41.517.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>145.996.140.000</b>	<b>100,00</b>	<b>145.996.140.000</b>	<b>-</b>

**18c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.599.614	14.599.614
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.599.614	14.599.614
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(64.523)	(64.523)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.535.091	14.535.091

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND.

## 18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 28 tháng 4 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2015	21.802.636.500
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	499.842.788
• Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	243.400.000

## 19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### 19a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 17,389.84 USD (số đầu năm là 22,343.03 USD).

### 19b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm		Nguyên nhân xóa sổ
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Các khách hàng khác	-	8.435.060.390	-	8.435.060.390	
<b>Cộng</b>		<b>8.435.060.390</b>		<b>8.435.060.390</b>	

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khảo sát	81.934.896.367	30.379.442.136
Doanh thu hoạt động thiết kế	91.987.657.658	110.163.087.813
<b>Cộng</b>	<b>173.922.554.025</b>	<b>140.542.529.949</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2a, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang	7.547.963.636	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	5.319.740.201	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	814.545.455	14.326.965.180
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	-	2.723.769.960

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động khảo sát	50.512.663.120	22.851.382.772
Giá vốn hoạt động thiết kế	71.225.934.005	74.865.597.760
<b>Cộng</b>	<b>121.738.597.125</b>	<b>97.716.980.532</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	229.226.645	461.348.158
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.308.000.000	11.942.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.660.083	68.781.097
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục ngoại tệ	11.300.380	-
Doanh thu tài chính khác	-	22.918.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.551.187.108</u></b>	<b><u>12.495.797.255</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	234.903.727	272.832.675
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	883.650	14.722.799
<b>Cộng</b>	<b><u>235.787.377</u></b>	<b><u>287.555.474</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các chi phí khác	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	15.957.685.014	14.847.979.126
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	683.299.292	498.177.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.164.238	54.937.818
Thuế, phí và lệ phí	63.456.632	61.954.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.119.123.630	1.062.935.453
Các chi phí khác	15.900.887.404	12.932.670.742
<b>Cộng</b>	<b><u>33.795.616.210</u></b>	<b><u>29.458.655.563</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc bồi hoàn chi phí đào tạo	62.669.000	36.814.000
Thu bồi thường tài liệu	100.000	885.000
Thu nhập từ thanh lý vật tư	-	5.290.909
<b>Cộng</b>	<b><u>62.769.000</u></b>	<b><u>42.989.909</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng	1.821.025	81.620.046
<b>Cộng</b>	<b><u>1.821.025</u></b>	<b><u>81.620.046</u></b>

**9. Lãi trên cổ phiếu**
**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.069.350.717	22.545.879.288
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(499.842.788)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	(243.400.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	23.069.350.717	21.802.636.500
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	14.535.091	14.535.091
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.587</b>	<b>1.500</b>

**9b. Thông tin khác**

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.551 VND xuống còn 1.500 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.097.647.029	5.659.694.011
Chi phí nhân công	88.654.304.499	74.239.895.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.745.807.412	1.455.606.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.776.380.086	22.496.657.539
Chi phí khác	28.696.081.451	22.119.762.247
<b>Cộng</b>	<b>158.970.220.477</b>	<b>125.971.615.679</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**
**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh toán nợ gốc vay dài hạn thông qua bù trừ công nợ với EVN	-	3.000.000.000
Thanh toán nợ gốc vay ngắn hạn thông qua bù trừ công nợ	-	1.766.900.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.766.900.000</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Các khoản cam kết

Theo Nghị quyết số 1938/NQ-HĐQT ngày 20/12/2011 của Hội đồng quản trị về việc “*thông qua cam kết hỗ trợ vay vốn Dự án Thủy điện Srêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn*”, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 thông qua cam kết hỗ trợ vay vốn Dự án Thủy điện Srêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn như sau:

- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 sẽ không chuyển nhượng các cổ phần của Công ty nếu chưa được sự đồng ý trước của Bên cho vay kể từ ngày cam kết chứng nhận này cho tới khi toàn bộ số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng được hoàn trả hết;
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 sẽ cùng với các cổ đông liên quan tới EVN và các cổ đông cá nhân góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn theo hình thức góp vốn hoặc các khoản vay bổ sung, để đảm bảo sự thiếu hụt về tiền mặt có thể xảy ra trong tương lai của quá trình vay vốn, nhằm đảm bảo khả năng trả nợ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

#### *Cam kết góp vốn*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4401028708 ngày 22 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp cho Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư 600.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 600.000.000 VND, vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang là 14.400.000.000 VND.

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:

<b>Thành viên chủ chốt</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2016, trong năm 2016 Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát đã nhận thù lao là 499.500.000 VND (năm 2015 là 524.400.000 VND).
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thu nhập từ tiền lương và các phụ cấp theo quy chế lương của Công ty. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng năm 2016 là 2.709.529.256 VND (năm 2015 là 2.319.045.171 VND).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là EVN)	Cổ đông sở hữu 71,56% cổ phần (xem thuyết minh V.18)
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Công ty cùng tập đoàn

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2a cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)</b>		
Bù trừ với nợ tạm ứng thực hiện hợp đồng khảo sát, thiết kế	-	4.500.000.000
Bù trừ công nợ với chi phí lãi vay phải trả	-	6.455.732.065
Bù trừ công nợ với nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.766.900.000
Bù trừ công nợ với vay và nợ dài hạn	-	3.000.000.000
Chuyển trả cổ tức năm 2015	15.671.766.000	-
Chi phí lãi vay	161.280.000	-
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1</b>		
Ứng trước tiền	1.967.500.000	-
Chi phí thí nghiệm cơ địa trong hầm ngang Thủy điện tích năng Bắc Ái	767.729.780	-
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2</b>		
Thu tiền khảo sát	3.477.200.221	-

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3a, V.4, V.5a, V.11 và V.12, V.15, V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.



**3. Thông tin về bộ phận**

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ tư vấn khảo sát, thiết kế và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

**4. Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

**a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

*Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

*Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.256.467.922	-	-	-	25.256.467.922
Phải thu khách hàng	52.106.221.271	-	-	25.335.265.697	77.441.486.968
Các khoản phải thu khác	8.720.207.171	-	-	-	8.720.207.171
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.091.640.000	-	-	-	2.091.640.000
<b>Cộng</b>	<b>88.174.536.364</b>	-	-	<b>25.335.265.697</b>	<b>113.509.802.061</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.446.436.893	-	-	-	22.446.436.893
Phải thu khách hàng	43.019.425.230	-	-	30.145.605.697	73.165.030.927
Các khoản phải thu khác	7.027.953.476	-	-	-	7.027.953.476
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.091.640.000	-	-	-	2.091.640.000
<b>Cộng</b>	<b>74.585.455.599</b>	-	-	<b>30.145.605.697</b>	<b>104.731.061.296</b>

### b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải trả người bán	9.007.430.317	7.293.851.403
Vay và nợ	-	3.000.000.000
Các khoản phải trả khác	1.931.171.619	1.871.170.019
<b>Cộng</b>	<b>10.938.601.936</b>	<b>12.165.021.422</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

### c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	14.000.000.000	-
Vay và nợ	-	-	(3.000.000.000)	-
<b>Tài sản thuần</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>-</b>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu năm trước giảm/tăng 162.414.052 VND.

#### *Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

#### **d. Tài sản đảm bảo**

##### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	-	8.093.787.893
Phải thu khách hàng	-	71.152.693.943
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>79.246.481.836</b>

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

##### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### 5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

#### Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.256.467.922	-	22.446.436.893	-
Phải thu khách hàng	52.106.221.271	(12.287.651.269)	43.019.425.230	(11.740.310.069)
Các khoản phải thu khác	8.720.207.171	-	7.027.953.476	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.091.640.000	-	2.091.640.000	-
<b>Cộng</b>	<b>88.174.536.364</b>	<b>(12.287.651.269)</b>	<b>74.585.455.599</b>	<b>(11.740.310.069)</b>

#### Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	9.007.430.317	7.293.851.403
Vay và nợ	-	3.000.000.000
Các khoản phải trả khác	1.931.171.619	1.871.170.019
<b>Cộng</b>	<b>10.938.601.936</b>	<b>12.165.021.422</b>

#### Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

**6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Nhà Trang, ngày 20 tháng 02 năm 2017



**Trần Lê Thanh Bình**  
Người lập biểu

**Vũ Thành Danh**  
Kế toán trưởng

**Phạm Minh Sơn**  
Tổng Giám đốc



**EVN***PECC4*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

TRỤ SỞ: 11 HOÀNG HOA THÁM – NHÀ TRẢNG – KHÁNH HÒA

TEL: 058.384431 – FAX: 058.3824208

EMAIL: [TY4@PECC4.VN](mailto:TY4@PECC4.VN) – WEBSITE: [TY4@PECC4.VN](http://TY4@PECC4.VN)